# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

### Thông tư số 14/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa

### DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THANH HÓA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(Tiếp theo Công báo số 423 + 424)

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| đường Hồ Chí Minh | KX | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | F-48-91-D-d |
| quốc lộ 15A | KX | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 33' 37" | 105° 01' 17" | 20° 05' 33" | 105° 22' 16" | F-48-91-D-c |
| sông Cầu Chày | TV | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 52" | 105° 21' 58" | 19° 57' 04" | 105° 45' 41" | F-48-91-D-d, F-48-91-D-c |
| phố Lê Đình Chinh | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 05" | 105° 23' 15" | | | | | F-48-91-D-d |
| phố Lê Duẩn | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 36" | 105° 22' 12" | | | | | F-48-91-D-c |
| phố Lê Hoàn | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 38" | 105° 21' 57" | | | | | F-48-91-D-c |
| phố Lê Lai | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 32" | 105° 22' 25" | | | | | F-48-91-D-c |
| phố Lê Lợi | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 58" | 105° 22' 40" | | | | | F-48-91-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| phố Lê Thánh Tông | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 10" | 105° 22' 34" | | | | | F-48-91-D-d |
| Suối Ngọc | TV | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 05' 00" | 105° 21' 14" | 20° 05' 21" | 105° 22' 39" | F-48-91-D-c, F-48-91-D-d |
| phố Nguyễn Du | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 43" | 105° 22' 45" | | | | | F-48-91-D-d |
| phố Nguyễn Trãi | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 31" | 105° 22' 59" | | | | | F-48-91-D-d |
| phố Trần Phú | DC | TT. Ngọc Lặc | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 56" | 105° 22' 12" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Bái Cong | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 00" | 105° 19' 48" | | | | | F-48-91-D-c |
| núi Ba Đan | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 54" | 105° 18' 25" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Bái Đập | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 49" | 105° 20' 08" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Bái Gió | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 36" | 105° 20' 41" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Ban | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 11" | 105° 20' 21" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Ban | TV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 04' 17" | 105° 20' 20" | 20° 04' 27" | 105° 20' 31" | F-48-91-D-c |
| Đồi Bưởi | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 22" | 105° 21' 03" | | | | | F-48-91-D-c |
| làng Cây Thị | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 43" | 105° 21' 24" | | | | | F-48-91-D-c |
| làng Chò Tráng | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 44" | 105° 19' 12" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Chù | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 05" | 105° 21' 02" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Cồ | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 34" | 105° 22' 21" | | | | | F-48-91-D-c |
| làng Cò Mùn | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 31" | 105° 21' 06" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Côn | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 56" | 105° 20' 29" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Cọn | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 28" | 105° 20' 08" | | | | | F-48-91-D-c |
| hồ Cống Khê | TV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 53" | 105° 20' 34" | | | | | F-48-91-D-c |
| Núi Dụn | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 26" | 105° 18' 42" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Ke Re | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 10" | 105° 19' 33" | | | | | F-48-91-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Làng Lỏ | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 12" | 105° 21' 02" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Mật | TV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 03' 54" | 105° 19' 01" | 20° 04' 33" | 105° 16' 55" | F-48-91-D-c |
| suối Mật Ngoài | TV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 04' 31" | 105° 19' 23" | 20° 03' 54" | 105° 19' 01" | F-48-91-D-c |
| suối Mật Trong | TV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 04' 15" | 105° 19' 34" | 20° 03' 54" | 105° 19' 01" | F-48-91-D-c |
| Núi Mục | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 09" | 105° 18' 23" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Nghiện | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 16" | 105° 21' 39" | | | | | F-48-91-D-c |
| làng Ngọc Mùn | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 06" | 105° 19' 57" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Nhỏi | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 30" | 105° 19' 40" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Sấn | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 33" | 105° 19' 47" | | | | | F-48-91-D-c |
| Núi Sung | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 52" | 105° 21' 34" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Thau | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 27" | 105° 20' 38" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Thi | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 46" | 105° 19' 52" | | | | | F-48-91-D-c |
| Núi Tích | SV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 00" | 105° 21' 08" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Ủng | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 39" | 105° 20' 09" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Vìn | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 33" | 105° 19' 56" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Xam | DC | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 44" | 105° 20' 59" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Xam | TV | xã Cao Ngọc | H. Ngọc Lặc | | | 20° 03' 00" | 105° 21' 06" | 20° 02' 49" | 105° 19' 12" | F-48-91-D-c |
| làng 61 | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 23" | 105° 29' 16" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Ba Đồi | SV | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 00" | 105° 27' 19" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Bò Lội | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 44" | 105° 28' 08" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Bứa | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 37" | 105° 28' 08" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Cao Khánh | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 18" | 105° 30' 10" | | | | | F-48-92-C-c |
| làng Cao Sơn | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 25" | 105° 29' 12" | | | | | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| làng Cao Thắng | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 52" | 105° 29' 22" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Đồng Giành | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 58" | 105° 27' 49" | | | | | F-48-91-D-d |
| núi Đồng Hồ | SV | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 16" | 105° 29' 52" | | | | | F-48-91-D-d |
| Suối Giành | TV | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | | | 20° 03' 57" | 105° 26' 49" | 20° 03' 57" | 105° 28' 44" | F-48-91-D-d |
| núi Hang Cá | SV | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 49" | 105° 30' 25" | | | | | F-48-92-C-c |
| Sông Hép | TV | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 08" | 105° 25' 20" | 19° 59' 58" | 105° 31' 53" | F-48-91-D-d |
| làng Khánh Thượng | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 32" | 105° 29' 51" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Lim Còm | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 37" | 105° 28' 25" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Mai | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 01" | 105° 28' 26" | | | | | F-48-91-D-d |
| núi Nhả Lá | SV | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 39" | 105° 29' 44" | | | | | F-48-91-D-d |
| Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thống Nhất | KX | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 52" | 105° 29' 02" | | | | | F-48-91-D-d |
| núi Thung Đắng | SV | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 28" | 105° 29' 43" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Z111 | DC | xã Cao Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 59" | 105° 29' 32" | | | | | F-48-91-D-d |
| hồ Bai Ao | TV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 27" | 105° 25' 37" | | | | | F-48-91-D-b, F-48-91-D-d |
| Làng Bương | DC | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 13" | 105° 26' 18" | | | | | F-48-91-D-d |
| Suối Cái | TV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | | | 20° 07' 35" | 105° 25' 08" | 20° 06' 31" | 105° 25' 16" | F-48-91-D-b, F-48-91-D-d |
| Làng Chiềng | DC | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 24" | 105° 26' 29" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Đào Đất | SV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 19" | 105° 26' 01" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Đồi Đỏ | DC | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 42" | 105° 25' 58" | | | | | F-48-91-D-b |
| Làng Lim | DC | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 29" | 105° 25' 13" | | | | | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Làng Me | DC | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 16" | 105° 27' 07" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Mới | DC | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 25" | 105° 25' 24" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Mùn | DC | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 17" | 105° 26' 03" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Rềnh | DC | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 59" | 105° 25' 34" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Tổng Cờ | SV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 08" | 105° 26' 35" | | | | | F-48-91-D-b |
| đồi Tro Hoa | SV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 00" | 105° 27' 04" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Trò Hoa | SV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 56" | 105° 25' 52" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Vải | SV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 22" | 105° 25' 42" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Vọ | SV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 10" | 105° 28' 00" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Xiêng | SV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 53" | 105° 27' 28" | | | | | F-48-91-D-b |
| đồi Yên Ương | SV | xã Đồng Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 36" | 105° 26' 43" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng 11 | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 38" | 105° 25' 08" | | | | | E-48-7-B-b |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-7-B-b |
| làng Ba Si | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 54" | 105° 23' 38" | | | | | E-48-7-B-b |
| Suối Cái | TV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | | | 19° 58' 23" | 105° 21' 32" | 19° 57' 46" | 105° 23' 43" | E-48-7-B-b, E-48-7-B-a |
| đồi Cây Trám | SV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 10" | 105° 23' 01" | | | | | E-48-7-B-b |
| Sông Chu | TV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | | | 19° 55' 20" | 105° 07' 59" | 19° 53' 02" | 105° 45' 23" | E-48-7-B-b |
| Suối Cồn | TV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | | | 19° 57' 36" | 105° 21' 29" | 19° 56' 12" | 105° 23' 24" | E-48-7-B-b |
| Đồi Đá | SV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 06" | 105° 23' 11" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Đội 1 | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 14" | 105° 24' 34" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Đức Thịnh | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 02" | 105° 24' 22" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Kiên Minh | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 39" | 105° 24' 11" | | | | | E-48-7-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| đền Lê Lai | KX | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 26" | 105° 23' 27" | | | | | E-48-7-B-b |
| Suối Nam | TV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | | | 19° 59' 23" | 105° 22' 18" | 19° 58' 55" | 105° 23' 17" | E-48-7-B-b |
| Suối Ngũ | TV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | | | 19° 57' 46" | 105° 23' 43" | 19° 56' 42" | 105° 25' 12" | E-48-7-B-b |
| suối Nhà Lê | TV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | | | 19° 58' 18" | 105° 25' 44" | 19° 57' 27" | 105° 26' 31" | E-48-7-B-b |
| Núi Nhượng | SV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 52" | 105° 22' 45" | | | | | E-48-7-B-b |
| Ngã ba Si | KX | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 59" | 105° 23' 46" | | | | | E-48-7-B-b |
| Suối Tép | TV | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | | | 19° 58' 52" | 105° 23' 17" | 19° 57' 46" | 105° 23' 42" | E-48-7-B-b |
| làng Thành Công | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 37" | 105° 24' 44" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Thành Sơn | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 13" | 105° 23' 12" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Thọ Liên | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 01" | 105° 23' 59" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Thọ Phú | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 25" | 105° 23' 58" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Thọ Sơn | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 04" | 105° 25' 50" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Thống nhất | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 26" | 105° 25' 32" | | | | | E-48-7-B-b |
| Làng Trai | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 50" | 105° 24' 39" | | | | | E-48-7-B-b |
| làng Xuân Thành | DC | xã Kiên Thọ | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 24" | 105° 25' 27" | | | | | E-48-7-B-b |
| thôn 4 | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 52" | 105° 25' 36" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 5 | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 38" | 105° 28' 02" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 6 | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 14" | 105° 26' 29" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 7 | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 09" | 105° 26' 29" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 8 | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 32" | 105° 24' 31" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 9 | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 42" | 105° 25' 12" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 12 | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 15" | 105° 25' 20" | | | | | F-48-91-D-d |
| sông Cầu Chày | TV | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 52" | 105° 21' 58" | 19° 57' 04" | 105° 45' 41" | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lam Sơn | KX | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 24" | 105° 24' 45" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Thủy | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 39" | 105° 27' 05" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Trụ Sở | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 58" | 105° 25' 24" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Trung Tâm | DC | xã Lam Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 56" | 105° 25' 08" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Ba Đồi | SV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 00" | 105° 27' 19" | | | | | F-48-91-D-d |
| núi Bái Mạ | SV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 02" | 105° 29' 32" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Bãi Mí | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 39" | 105° 29' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| Núi Bò | SV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 47" | 105° 28' 12" | | | | | F-48-91-D-d |
| Núi Chung | SV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 00" | 105° 27' 50" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Cò Chè | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 29" | 105° 28' 46" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Cò Dừa | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 58" | 105° 28' 38" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Đồi Nâu | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 45" | 105° 28' 58" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Đồng Trôi | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 11" | 105° 29' 11" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Dụn | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 18" | 105° 29' 01" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Hép | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 19" | 105° 27' 20" | | | | | F-48-91-D-d |
| Sông Hép | TV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 08" | 105° 25' 20" | 19° 59' 58" | 105° 31' 53" | F-48-91-D-d |
| làng Lộc Nam | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 33" | 105° 29' 00" | | | | | F-48-91-D-d |
| Núi Mèo | SV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 08" | 105° 28' 52" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Ngã Hón | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 25" | 105° 28' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Tro Hoa | SV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 00" | 105° 27' 04" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Vịn | DC | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 36" | 105° 28' 00" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Vọ | SV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 10" | 105° 28' 00" | | | | | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| đồi Yên Ương | SV | xã Lộc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 36" | 105° 26' 43" | | | | | F-48-91-D-d |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | F-48-91-D-d |
| Thôn Mèn | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 58" | 105° 23' 57" | | | | | F-48-91-D-d |
| Thôn Ắng | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 21" | 105° 25' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| Thôn Bông | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 51" | 105° 25' 05" | | | | | F-48-91-D-d |
| núi Bồng Bông/Tích | SV | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 41" | 105° 24' 16" | | | | | F-48-91-D-d |
| Thôn Bót | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 58" | 105° 23' 32" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Bùi | SV | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 33" | 105° 20' 28" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Bưởi | SV | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 22" | 105° 21' 03" | | | | | F-48-91-D-c |
| sông Cầu Chày | TV | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 52" | 105° 21' 58" | 19° 57' 04" | 105° 45' 41" | F-48-91-D-d |
| Đồi Cồ | SV | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 34" | 105° 22' 21" | | | | | F-48-91-D-c |
| Núi Đệch | SV | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 16" | 105° 25' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| Thôn Giữa | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 35" | 105° 23' 53" | | | | | F-48-91-D-d |
| Thôn Hón | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 01" | 105° 23' 37" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Châu 1 | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 12" | 105° 24' 09" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Châu 2 | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 01" | 105° 24' 27" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Hòa | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 53" | 105° 24' 48" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Lai | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 29" | 105° 24' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Liên | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 25" | 105° 23' 29" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Lương | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 16" | 105° 22' 31" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Nguyên | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 51" | 105° 21' 35" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Minh Thái | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 10" | 105° 23' 51" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Thọ | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 25" | 105° 22' 13" | | | | | F-48-91-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Minh Thuận | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 00" | 105° 23' 00" | | | | | F-48-91-D-d |
| Thôn Mơ | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 48" | 105° 23' 42" | | | | | F-48-91-D-d |
| Thôn Mới | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 35" | 105° 24' 44" | | | | | F-48-91-D-d |
| Thôn Muỗng | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 19" | 105° 23' 52" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Ngọc Ắng | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 06" | 105° 25' 38" | | | | | F-48-91-D-d |
| Suối Song | TV | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 02' 18" | 105° 21' 15" | 20° 03' 09" | 105° 24' 09" | F-48-91-D-c, F-48-91-D-d |
| thôn Trung Hòa | DC | xã Minh Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 31" | 105° 25' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 2 | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 20" | 105° 24' 24" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 10 | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 52" | 105° 23' 27" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 66 | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 22" | 105° 25' 18" | | | | | F-48-91-D-d |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-7-B-b |
| thôn Đồng Tiến | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 33" | 105° 26' 04" | | | | | F-48-91-D-d |
| núi Gò Tô | SV | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 11" | 105° 25' 34" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Hương Tiến | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 26" | 105° 25' 43" | | | | | F-48-91-D-d |
| Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lam Sơn | KX | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 24" | 105° 24' 45" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Lập | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 34" | 105° 25' 41" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Phong | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 31" | 105° 24' 22" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Thanh | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 48" | 105° 24' 53" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Thành | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 22" | 105° 23' 36" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Phúc Long | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 17" | 105° 25' 59" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Thành Phong | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 56" | 105° 24' 13" | | | | | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Thanh Sơn | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 09" | 105° 24' 41" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Tiến Sơn | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 22" | 105° 24' 21" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Tiểu Tu | DC | xã Minh Tiến | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 00" | 105° 26' 03" | | | | | F-48-91-D-d |
| quốc lộ 15A | KX | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | | | 20° 33' 37" | 105° 01' 17" | 20° 05' 33" | 105° 22' 16" | F-48-91-D-a |
| Làng Beo | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 11" | 105° 20' 24" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Chả | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 35" | 105° 16' 56" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Chu Ngom | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 07" | 105° 19' 33" | | | | | F-48-91-D-c |
| núi Co Bản | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 51" | 105° 17' 39" | | | | | F-48-91-D-a |
| hồ Cống Khê | TV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 53" | 105° 20' 34" | | | | | F-48-91-D-c |
| núi Đá Lọn | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 25" | 105° 17' 46" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Giang | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 20" | 105° 16' 26" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Hạ | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 11" | 105° 17' 51" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Khê | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 20" | 105° 17' 02" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Mí | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 14" | 105° 18' 25" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Mỏ | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 48" | 105° 17' 06" | | | | | F-48-91-D-a |
| Làng Mốc | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 43" | 105° 18' 40" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Mới | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 55" | 105° 17' 28" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Mống | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 09" | 105° 17' 34" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Mục | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 09" | 105° 18' 23" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Mùi | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 36" | 105° 18' 37" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Ngang | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 46" | 105° 16' 39" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Pan | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 17" | 105° 16' 48" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Sấn | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 33" | 105° 19' 47" | | | | | F-48-91-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Làng Thi | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 43" | 105° 18' 13" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Thi | TV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | | | 20° 05' 47" | 105° 19' 05" | 20° 05' 19" | 105° 20' 02" | F-48-91-D-c |
| Làng Thượng | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 17" | 105° 17' 11" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Tô | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 46" | 105° 20' 08" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Vải | DC | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 28" | 105° 19' 04" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Vắt | TV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | | | 20° 05' 07" | 105° 18' 54" | 20° 05' 47" | 105° 19' 05" | F-48-91-D-c |
| Đồi Xè | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 56" | 105° 17' 04" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Xế | SV | xã Mỹ Tân | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 35" | 105° 18' 14" | | | | | F-48-91-D-a |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | F-48-91-D-c; F-48-91-D-d |
| quốc lộ 15A | KX | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | | | 20° 33' 37" | 105° 01' 17" | 20° 05' 33" | 105° 22' 16" | F-48-91-D-c |
| Đồi Bùi | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 12" | 105° 23' 33" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Cao Hòa | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 14" | 105° 20' 19" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Cao Nguyên | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 09" | 105° 21' 40" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Cao Phong | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 21" | 105° 23' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Cao Thượng | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 43" | 105° 22' 35" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Cao Vân | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 31" | 105° 19' 51" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Cao Xuân | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 10" | 105° 18' 42" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Cao Yên | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 46" | 105° 20' 58" | | | | | F-48-91-D-c |
| sông Cầu Chày | TV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 52" | 105° 21' 58" | 19° 57' 04" | 105° 45' 41" | F-48-91-D-d,F-48-91-D-c |
| đồi Chu Ngom | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 07" | 105° 19' 33" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Cồ | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 34" | 105° 22' 21" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Cống Khê | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 31" | 105° 21' 53" | | | | | F-48-91-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| hồ Cống Khê | TV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 53" | 105° 20' 34" | | | | | F-48-91-D-c |
| núi Đá Vàng | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 50" | 105° 19' 47" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Hạ Sơn | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 00" | 105° 23' 02" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Hùa | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 36" | 105° 23' 09" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Hưng Sơn | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 47" | 105° 22' 26" | | | | | F-48-91-D-c |
| Phố Một | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 10" | 105° 22' 21" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Mu | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 22" | 105° 23' 23" | | | | | F-48-91-D-d |
| Núi Mùi | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 36" | 105° 18' 37" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Ngô | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 18" | 105° 21' 48" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Ngọc | TV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | | | 20° 05' 00" | 105° 21' 14" | 20° 05' 21" | 105° 22' 39" | F-48-91-D-c, F-48-91-D-d |
| thôn Ngọc Lan | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 41" | 105° 21' 25" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Ngọc Minh | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 16" | 105° 22' 27" | | | | | F-48-91-D-c |
| Thung Nhót | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 52" | 105° 23' 16" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Pheo Vàng | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 51" | 105° 22' 47" | | | | | F-48-91-D-d |
| Núi Sắt | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 12" | 105° 21' 19" | | | | | F-48-91-D-c |
| Núi Sung | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 52" | 105° 21' 34" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Tân Thành | DC | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 46" | 105° 21' 35" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Thôn | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 19" | 105° 23' 31" | | | | | F-48-91-D-d |
| Núi Tích | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 00" | 105° 21' 08" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Tô | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 46" | 105° 20' 08" | | | | | F-48-91-D-c |
| Núi Xế | SV | xã Ngọc Khê | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 35" | 105° 18' 14" | | | | | F-48-91-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 38" | 105° 24' 17" | | | | | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 2 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 27" | 105° 24' 21" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 3 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 15" | 105° 24' 30" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 4 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 04" | 105° 23' 43" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 5 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 06" | 105° 24' 42" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 6 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 03" | 105° 24' 58" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 7 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 48" | 105° 24' 49" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 8 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 38" | 105° 25' 30" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 9 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 49" | 105° 25' 46" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 10 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 56" | 105° 26' 05" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 11 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 17" | 105° 25' 33" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 12 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 33" | 105° 25' 39" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn 13 | DC | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 46" | 105° 25' 46" | | | | | F-48-91-D-d |
| hồ Bai Thanh | TV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 28" | 105° 25' 16" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Bưởi Đường | SV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 08" | 105° 24' 53" | | | | | F-48-91-D-d |
| Suối Cái | TV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | | | 20° 07' 35" | 105° 25' 08" | 20° 06' 31" | 105° 25' 16" | F-48-91-D-d |
| suối Đá Mái | TV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 23" | 105° 26' 38" | 20° 05' 38" | 105° 26' 28" | F-48-91-D-d |
| hồ Giếng Thiếng | TV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 05" | 105° 24' 22" | | | | | F-48-91-D-d |
| Sông Hép | TV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 08" | 105° 25' 20" | 19° 59' 58" | 105° 31' 53" | F-48-91-D-d |
| đồi Mỏ Giang | SV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 10" | 105° 25' 36" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Ngấn | SV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 33" | 105° 25' 02" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Nương | SV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 49" | 105° 26' 10" | | | | | F-48-91-D-d |
| Khe Rồng | TV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 53" | 105° 24' 29" | 20° 06' 09" | 105° 25' 19" | F-48-91-D-d |
| Đồi Sú | SV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 34" | 105° 24' 26" | | | | | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| đồi Trò Hoa | SV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 56" | 105° 25' 52" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Yên Ương | SV | xã Ngọc Liên | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 36" | 105° 26' 43" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Bùi | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 12" | 105° 23' 33" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Bưởi Đường | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 08" | 105° 24' 53" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Cao Quốc | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 17" | 105° 26' 20" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Cây Đa | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 59" | 105° 23' 57" | | | | | F-48-91-D-d |
| Núi Đệch | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 16" | 105° 25' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Điền Sơn 1 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 00" | 105° 23' 47" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Điền Sơn 2 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 47" | 105° 23' 48" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Điền Sơn 3 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 04" | 105° 24' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| Sông Hép | TV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 08" | 105° 25' 20" | 19° 59' 58" | 105° 31' 53" | F-48-91-D-d |
| thôn Hoành Sơn | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 57" | 105° 25' 38" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Kim Thủy | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 23" | 105° 24' 29" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Linh Sơn | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 00" | 105° 25' 10" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Ly | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 21" | 105° 24' 33" | | | | | F-48-91-D-d |
| Suối Mạ | TV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 04' 01" | 105° 25' 17" | 20° 02' 40" | 105° 26' 48" | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Phong | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 16" | 105° 25' 58" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Tiến | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 44" | 105° 25' 37" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Mỏ Giang | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 10" | 105° 25' 36" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Nhà Thờ | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 20" | 105° 25' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| khe Rừng Mú | TV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 04' 26" | 105° 24' 43" | 20° 04' 01" | 105° 25' 17" | F-48-91-D-d |
| Đồi Sú | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 34" | 105° 24' 26" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Thanh Sơn | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 45" | 105° 25' 18" | | | | | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Đồi Thôn | SV | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 19" | 105° 23' 31" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Tiền Phong | DC | xã Ngọc Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 10" | 105° 25' 24" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Ba Đồi | SV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 00" | 105° 27' 19" | | | | | F-48-91-D-d |
| sông Cầu Chày | TV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 52" | 105° 21' 58" | 19° 57' 04" | 105° 45' 41" | F-48-91-D-d |
| Làng Đệch | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 04" | 105° 25' 45" | | | | | F-48-91-D-d |
| Núi Đệch | SV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 16" | 105° 25' 13" | | | | | F-48-91-D-d |
| Suối Giành | TV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | | | 20° 03' 57" | 105° 26' 49" | 20° 03' 57" | 105° 28' 44" | F-48-91-D-d |
| Sông Hép | TV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 08" | 105° 25' 20" | 19° 59' 58" | 105° 31' 53" | F-48-91-D-d |
| Làng Lươn | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 12" | 105° 26' 16" | | | | | F-48-91-D-d |
| Suối Mạ | TV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | | | 20° 04' 01" | 105° 25' 17" | 20° 02' 40" | 105° 26' 48" | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Lâm | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 35" | 105° 27' 15" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Thành | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 31" | 105° 26' 00" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Minh Xuân | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 57" | 105° 25' 52" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Ngọc Tân | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 05" | 105° 26' 51" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Quang Thành | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 51" | 105° 26' 19" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Tân Mỹ | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 34" | 105° 26' 53" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Tát | SV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 18" | 105° 25' 48" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Thọ Phú | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 27" | 105° 26' 39" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Trẩy | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 53" | 105° 26' 15" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Tròn | SV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 53" | 105° 26' 06" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Tròn | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 45" | 105° 26' 14" | | | | | F-48-91-D-d |
| Đồi Vọa | SV | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 04" | 105° 25' 55" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Xuân Minh | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 10" | 105° 26' 12" | | | | | F-48-91-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Yên Thắng | DC | xã Ngọc Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 37" | 105° 27' 15" | | | | | F-48-91-D-d |
| đồi Bái Dài | SV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 30" | 105° 21' 14" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Bái Trồng | SV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 52" | 105° 20' 36" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Bảng Lảng | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 51" | 105° 20' 34" | | | | | E-48-7-B-a |
| Suối Cái | TV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | | | 19° 58' 23" | 105° 21' 32" | 19° 57' 46" | 105° 23' 43" | E-48-7-B-a |
| Suối Cồn | TV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | | | 19° 57' 36" | 105° 21' 29" | 19° 56' 12" | 105° 23' 24" | E-48-7-B-a |
| núi Đằng Đằng | SV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 34" | 105° 19' 15" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Đội 4 | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 51" | 105° 20' 42" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Đồng Cạn | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 14" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Đồng Đang | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 18" | 105° 22' 19" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Đồng Thuận | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 27" | 105° 20' 18" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Đồng Trại | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 55" | 105° 20' 33" | | | | | E-48-7-B-a |
| Đồi Dụn | SV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 28" | 105° 22' 11" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Keo | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 35" | 105° 21' 25" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Khe Ba | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 05" | 105° 21' 53" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Liên Cơ 1 | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 35" | 105° 20' 48" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Liên Cơ 2 | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 31" | 105° 20' 54" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Liên Cơ 3 | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 29" | 105° 20' 56" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Lương Bình | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 23" | 105° 19' 42" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Minh Thạch | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 11" | 105° 20' 42" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Mới | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 14" | 105° 20' 21" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Môn Tía | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 26" | 105° 22' 17" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Mót | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 05" | 105° 21' 24" | | | | | E-48-7-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Suối Nam | TV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | | | 19° 59' 23" | 105° 22' 18" | 19° 58' 55" | 105° 23' 17" | E-48-7-B-a, E-48-7-B-b |
| Làng Nán | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 19" | 105° 21' 15" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Pheo | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 27" | 105° 21' 59" | | | | | E-48-7-B-a |
| Suối Pheo | TV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | | | 19° 58' 57" | 105° 20' 38" | 19° 59' 12" | 105° 18' 29" | E-48-7-B-a |
| Làng Rềnh | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 09" | 105° 20' 14" | | | | | E-48-7-B-a |
| Suối Rềnh | TV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | | | 19° 59' 21" | 105° 20' 02" | 19° 58' 57" | 105° 19' 30" | E-48-7-B-a |
| Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Sông Âm | KX | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 36" | 105° 21' 25" | | | | | E-48-7-B-a |
| Đồi Sú | SV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 41" | 105° 22' 01" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Thé | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 03" | 105° 22' 16" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Tổng Hổng | SV | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 46" | 105° 19' 52" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Tường | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 18" | 105° 21' 31" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Ươu | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 53" | 105° 21' 00" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Xăm | DC | xã Nguyệt Ấn | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 23" | 105° 20' 44" | | | | | E-48-7-B-a |
| Sông Âm | TV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | | | 20° 13' 16" | 105° 06' 53" | 19° 55' 29" | 105° 22' 16" | E-48-7-B-a |
| Làng Bái | DC | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 01" | 105° 21' 51" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Bái Dài | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 30" | 105° 21' 14" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Bái Trồng | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 52" | 105° 20' 36" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Bào | DC | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 23" | 105° 22' 27" | | | | | E-48-7-B-a |
| Sông Cái | TV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | | | 19° 58' 23" | 105° 21' 32" | 19° 57' 46" | 105° 23' 43" | E-48-7-B-a |
| đồi Cây Ngẫy | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 07" | 105° 21' 18" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Cây Trám | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 10" | 105° 23' 01" | | | | | E-48-7-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Chu | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 40" | 105° 20' 45" | | | | | E-48-7-B-a |
| Sông Chu | TV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | | | 19° 55' 20" | 105° 07' 59" | 19° 53' 02" | 105° 45' 23" | E-48-7-B-b, E-48-7-B-a |
| làng Cò Mót | DC | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 45" | 105° 22' 21" | | | | | E-48-7-B-a |
| Sông Cồn | TV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | | | 19° 57' 36" | 105° 21' 29" | 19° 56' 12" | 105° 23' 24" | E-48-7-B-a, E-48-7-B-b |
| Đồi Đá | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 06" | 105° 23' 11" | | | | | E-48-7-B-b |
| Đồi Dụn | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 28" | 105° 22' 11" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Miềng | DC | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 55' 48" | 105° 22' 15" | | | | | E-48-7-B-a |
| Núi Miềng | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 55' 55" | 105° 21' 53" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Ngã Ba | DC | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 16" | 105° 20' 26" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Ngọc Kéo | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 27" | 105° 19' 54" | | | | | E-48-7-B-a |
| Núi Nhượng | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 52" | 105° 22' 45" | | | | | E-48-7-B-b |
| Núi Phiến | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 28" | 105° 21' 09" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Quên | DC | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 00" | 105° 21' 20" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Sòng | DC | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 34" | 105° 21' 36" | | | | | E-48-7-B-a |
| Đồi Sú | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 41" | 105° 22' 01" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Tổng Hổng | SV | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 46" | 105° 19' 52" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Trạc | DC | xã Phúc Thịnh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 10" | 105° 20' 52" | | | | | E-48-7-B-a |
| Sông Âm | TV | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | | | 20° 13' 16" | 105° 06' 53" | 19° 55' 29" | 105° 22' 16" | E-48-7-B-a, F-48-91-D-c |
| Làng Bằng | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 00" | 105° 18' 34" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Bứa | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 00" | 105° 19' 46" | | | | | E-48-7-B-a |
| Đồi Bùi | SV | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 33" | 105° 20' 28" | | | | | F-48-91-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Làng Chầm | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 59" | 105° 18' 53" | | | | | E-48-7-B-a |
| Đồi Chan | SV | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 22" | 105° 19' 48" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Chuối | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 21" | 105° 19' 08" | | | | | E-48-7-B-a |
| núi Đằng Đằng | SV | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 34" | 105° 19' 15" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Lau | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 12" | 105° 19' 25" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Lau | TV | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | | | 20° 00' 45" | 105° 19' 52" | 19° 59' 47" | 105° 18' 40" | F-48-91-D-c, E-48-7-B-a |
| Làng Môn | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 47" | 105° 17' 58" | | | | | E-48-7-B-a |
| Suối Pheo | TV | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | | | 19° 58' 57" | 105° 20' 38" | 19° 59' 12" | 105° 18' 29" | E-48-7-B-a |
| làng Phùng Sơn | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 57" | 105° 20' 13" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Rềnh | TV | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | | | 19° 59' 21" | 105° 20' 02" | 19° 58' 57" | 105° 19' 30" | E-48-7-B-a |
| làng Rộc Mơ | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 45" | 105° 18' 30" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Tân Thành | DC | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 06" | 105° 19' 08" | | | | | E-48-7-B-a |
| Đồi Thiềng | SV | xã Phùng Giáo | H. Ngọc Lặc | 19° 59' 33" | 105° 19' 22" | | | | | E-48-7-B-a |
| Sông Âm | TV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | | | 20° 13' 16" | 105° 06' 53" | 19° 55' 29" | 105° 22' 16" | E-48-7-B-a |
| đồi Cây Ngẫy | SV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 07" | 105° 21' 18" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Chu | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 13" | 105° 20' 42" | | | | | E-48-7-B-a |
| Núi Chu | SV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 40" | 105° 20' 45" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Cốc | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 46" | 105° 19' 51" | | | | | E-48-7-B-a |
| núi Đằng Đằng | SV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 34" | 105° 19' 15" | | | | | E-48-7-B-a |
| Hón Dường | TV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | | | 20° 00' 30 | 105° 15' 04" | 19° 56' 50" | 105° 19' 16" | E-48-7-B-a |
| Hồ Hạ | TV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 33" | 105° 19' 41" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Hạ | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 14" | 105° 19' 30" | | | | | E-48-7-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Làng Lãi | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 37" | 105° 18' 51" | | | | | E-48-7-B-a |
| Suối Lãi | TV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | | | 19° 58' 08" | 105° 17' 42" | 19° 58' 06" | 105° 18' 43" | E-48-7-B-a |
| Núi Miềng | SV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 55' 55" | 105° 21' 53" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Minh Tân | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 41" | 105° 19' 25" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Mui | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 03" | 105° 19' 02" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Ngọc Kéo | SV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 27" | 105° 19' 54" | | | | | E-48-7-B-a |
| Núi Phiến | SV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 56' 28" | 105° 21' 09" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Quỳ | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 06" | 105° 19' 23" | | | | | E-48-7-B-a |
| làng Tân Lập | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 58' 19" | 105° 18' 42" | | | | | E-48-7-B-a |
| Làng Thượng | DC | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 50" | 105° 19' 33" | | | | | E-48-7-B-a |
| đồi Tổng Hổng | SV | xã Phùng Minh | H. Ngọc Lặc | 19° 57' 46" | 105° 19' 52" | | | | | E-48-7-B-a |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | F-48-91-D-b, F-48-91-D-d |
| hồ Bai Manh | TV | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 45" | 105° 24' 54" | | | | | F-48-91-D-b |
| Suối Cái | TV | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | | | 20° 07' 35" | 105° 25' 08" | 20° 06' 31" | 105° 25' 16" | F-48-91-D-d |
| đồi Đào Đất | SV | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 19" | 105° 26' 01" | | | | | F-48-91-D-b |
| Đồi Giếng | SV | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 15" | 105° 24' 59" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Bái | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 52" | 105° 24' 35" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Hòa | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 56" | 105° 24' 09" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Quang Hợp | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 46" | 105° 23' 22" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Hưng | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 41" | 105° 23' 06" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Quang Lộc | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 32" | 105° 23' 33" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Lưu | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 09" | 105° 23' 07" | | | | | F-48-91-D-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| làng Quang Phú | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 37" | 105° 24' 35" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Phúc | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 11" | 105° 23' 44" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Sơn | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 56" | 105° 23' 36" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Sơn | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 33" | 105° 24' 30" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Thái Bình | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 31" | 105° 25' 20" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Thắng | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 33" | 105° 24' 30" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Thọ | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 18" | 105° 24' 40" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Thuận | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 09" | 105° 23' 52" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Quang Thủy | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 44" | 105° 23' 00" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Tiến | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 46" | 105° 24' 03" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Quang Tọa | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 02" | 105° 24' 19" | | | | | F-48-91-D-b |
| phố Quang Trung 1 | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 00" | 105° 22' 46" | | | | | F-48-91-D-d |
| làng Quang Vinh | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 17" | 105° 24' 43" | | | | | F-48-91-D-d |
| Làng Ràm | DC | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 48" | 105° 23' 41" | | | | | F-48-91-D-b |
| Đồi Tô | SV | xã Quang Trung | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 00" | 105° 25' 31" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Bình Sơn | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 45" | 105° 20' 53" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Bò Lăn | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 11' 12" | 105° 16' 08" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Cao Sơn | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 54" | 105° 19' 51" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Chao | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 48" | 105° 18' 03" | | | | | F-48-91-D-a |
| đồi Chi Vi | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 17" | 105° 21' 58" | | | | | F-48-91-D-a |
| Suối Cụt | TV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | | | 20° 10' 41" | 105° 19' 06" | 20° 09' 06" | 105° 20' 43" | F-48-91-D-a |
| núi Đá Song | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 48" | 105° 17' 01" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Đèn | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 11' 51" | 105° 18' 10" | | | | | F-48-91-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| làng Đô Quăn | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 49" | 105° 19' 04" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Đô Sơn | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 10' 30" | 105° 17' 43" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Đô Ung | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 41" | 105° 21' 03" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Hích | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 11' 14" | 105° 20' 18" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Lập Thắng | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 36" | 105° 20' 25" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Lương Ngô | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 30" | 105° 22' 35" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Lương Thiện | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 20" | 105° 22' 16" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Lương Thuận | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 54" | 105° 20' 14" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Minh Tiến | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 09" | 105° 21' 39" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Ngang | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 23" | 105° 21' 13" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Pưa Dấn | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 11' 25" | 105° 18' 09" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Quăn | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 12" | 105° 19' 35" | | | | | F-48-91-D-a |
| Hang Sáo | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 12' 41" | 105° 15' 15" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Tân Lập | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 55" | 105° 21' 38" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Tân Thành | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 28" | 105° 21' 47" | | | | | F-48-91-D-a |
| làng Thạch Yến | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 48" | 105° 21' 56" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Thung Chon | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 52" | 105° 18' 40" | | | | | F-48-91-D-a |
| Pu Tiên | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 10' 25" | 105° 23' 06" | | | | | F-48-91-D-b |
| làng Trốc Trang | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 59" | 105° 17' 37" | | | | | F-48-91-D-a |
| Pu Trong | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 11' 43" | 105° 16' 18" | | | | | F-48-91-D-a |
| Suối Trong | TV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | | | 20° 12' 12" | 105° 16' 07" | 20° 09' 48" | 105° 18' 58" | F-48-91-D-a |
| làng Trường Sơn | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 57" | 105° 20' 47" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Ung | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 10' 54" | 105° 21' 06" | | | | | F-48-91-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Đồi Vót | SV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 10' 57" | 105° 18' 15" | | | | | F-48-91-D-a |
| suối Vùng Thang | TV | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | | | 20° 09' 06" | 105° 20' 43" | 20° 06' 52" | 105° 21' 58" | F-48-91-D-a |
| làng Xuân Chính | DC | xã Thạch Lập | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 51" | 105° 22' 03" | | | | | F-48-91-D-a |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | F-48-91-D-d |
| thôn Bình Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 45" | 105° 20' 59" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Bù Bằng | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 10" | 105° 17' 00" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Bù Tôn | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 30" | 105° 20' 02" | | | | | F-48-91-D-a |
| thôn Cao Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 35" | 105° 16' 53" | | | | | F-48-91-D-a |
| sông Cầu Chày | TV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 06' 52" | 105° 21' 58" | 19° 57' 04" | 105° 45' 41" | F-48-91-D-c |
| đồi Chi Vi | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 17" | 105° 21' 58" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Co Bản | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 51" | 105° 17' 39" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Đá Lăn | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 35" | 105° 16' 34" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Đá Song | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 09' 48" | 105° 17' 01" | | | | | F-48-91-D-a |
| núi Đá Vàng | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 50" | 105° 19' 47" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Đông Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 59" | 105° 18' 08" | | | | | F-48-91-D-a |
| thôn Giang Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 34" | 105° 22' 19" | | | | | F-48-91-D-d |
| thôn Hoa Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 14" | 105° 17' 33" | | | | | F-48-91-D-a |
| thôn Hồng Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 28" | 105° 22' 03" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Lương Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 16" | 105° 21' 26" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Ngang | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 23" | 105° 21' 13" | | | | | F-48-91-D-a |
| Đồi Ngô | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 18" | 105° 21' 48" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Ngọc Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 46" | 105° 22' 16" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Pan | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 17" | 105° 16' 48" | | | | | F-48-91-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Phú Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 55" | 105° 20' 46" | | | | | F-48-91-D-a |
| Núi Sắt | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 12" | 105° 21' 19" | | | | | F-48-91-D-c |
| thôn Tam Đồng | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 20" | 105° 18' 55" | | | | | F-48-91-D-a |
| thôn Thanh Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 28" | 105° 21' 15" | | | | | F-48-91-D-c |
| núi Thung Chon | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 52" | 105° 18' 40" | | | | | F-48-91-D-a |
| thôn Trung Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 08' 00" | 105° 19' 33" | | | | | F-48-91-D-a |
| thôn Vân Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 23" | 105° 21' 58" | | | | | F-48-91-D-c |
| suối Vùng Thang | TV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | | | 20° 09' 06" | 105° 20' 43" | 20° 06' 52" | 105° 21' 58" | F-48-91-D-a |
| Núi Xế | SV | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 07' 35" | 105° 18' 14" | | | | | F-48-91-D-a |
| thôn Xuân Sơn | DC | xã Thúy Sơn | H. Ngọc Lặc | 20° 06' 49" | 105° 22' 23" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Bái Cong | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 00" | 105° 19' 48" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Âm | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 05" | 105° 18' 13" | | | | | F-48-91-D-c |
| Sông Âm | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 13' 16" | 105° 06' 53" | 19° 55' 29" | 105° 22' 16" | F-48-91-D-c |
| Làng Bà | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 05" | 105° 17' 38" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Bà | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 00' 23" | 105° 16' 43" | 20° 00' 24" | 105° 18' 25" | F-48-91-D-c |
| làng Ba Nhà | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 17" | 105° 17' 29" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Bái Đập | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 49" | 105° 20' 08" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Bái Gió | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 36" | 105° 20' 41" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Bên | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 46" | 105° 18' 12" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Bùi | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 33" | 105° 20' 28" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Bưởi | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 22" | 105° 21' 03" | | | | | F-48-91-D-c |
| Hón Cáo | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 02' 52" | 105° 17' 06" | 20° 02' 56" | 105° 17' 42" | F-48-91-D-c |
| đồi Cây Trám | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 33" | 105° 16' 40" | | | | | F-48-91-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Đồi Chan | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 22" | 105° 19' 48" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Chùa | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 53" | 105° 16' 53" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Cối | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 05" | 105° 17' 38" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Đắm | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 50" | 105° 17' 59" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Đóng | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 11" | 105° 16' 52" | | | | | F-48-91-D-c |
| Núi Dụn | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 26" | 105° 18' 42" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Giang | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 29" | 105° 17' 49" | | | | | F-48-91-D-c |
| Giỏi Hạ | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 40" | 105° 17' 39" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Ke Re | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 03' 10" | 105° 19' 33" | | | | | F-48-91-D-c |
| Đồi Khế | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 20" | 105° 17' 02" | | | | | F-48-91-D-c |
| đồi Lèn Buông | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 14" | 105° 17' 09" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Liếu | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 35" | 105° 19' 01" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Liếu | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 02' 49" | 105° 19' 12" | 20° 02' 20" | 105° 18' 11" | F-48-91-D-c |
| Suối Mật | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 03' 54" | 105° 19' 01" | 20° 04' 33" | 105° 16' 55" | F-48-91-D-c |
| Làng Mết | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 03" | 105° 18' 32" | | | | | F-48-91-D-c |
| Núi Mục | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 05' 09" | 105° 18' 23" | | | | | F-48-91-D-c |
| Khén Ngoại | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 48" | 105° 19' 32" | | | | | F-48-91-D-c |
| Khén Nội | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 26" | 105° 19' 40" | | | | | F-48-91-D-c |
| suối Pù Nông | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 04' 14" | 105° 16' 26" | 20° 04' 30" | 105° 16' 41" | F-48-91-D-c |
| Làng Rẻ | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 00' 32" | 105° 18' 40" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Rẻ | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 00' 45" | 105° 19' 16" | 20° 00' 17" | 105° 18' 18" | F-48-91-D-c |
| Sông Sạo | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 03' 08" | 105° 09' 48" | 20° 01' 56" | 105° 18' 00" | F-48-91-D-c |
| Làng Sống | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 55" | 105° 18' 34" | | | | | F-48-91-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Làng Sùng | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 11" | 105° 18' 13" | | | | | F-48-91-D-c |
| Hón Thành | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 01' 15" | 105° 19' 19" | 20° 01' 24" | 105° 18' 25" | F-48-91-D-c |
| Giỏi Thượng | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 5 | 105° 17' 20" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Tráng | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 47" | 105° 18' 52" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Tráng | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 01' 30" | 105° 19' 55" | 20° 02' 01" | 105° 18' 02" | F-48-91-D-c |
| núi Tráng Ngoài | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 02' 14" | 105° 18' 53" | | | | | F-48-91-D-c |
| núi Tráng Trong | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 01' 49" | 105° 19' 38" | | | | | F-48-91-D-c |
| Làng Tró | DC | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 38" | 105° 17' 36" | | | | | F-48-91-D-c |
| Hón Tược | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 01' 49" | 105° 20' 20" | 20° 02' 43" | 105° 18' 58" | F-48-91-D-c |
| đồi Vùng Vàng | SV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | 20° 04' 22" | 105° 16' 38" | | | | | F-48-91-D-c |
| Suối Xam | TV | xã Vân Am | H. Ngọc Lặc | | | 20° 03' 00" | 105° 21' 06" | 20° 02' 49" | 105° 19' 12" | F-48-91-D-c |
| khu phố 1 | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 37' 59" | 105° 34' 46" | | | | | E-48-8-C-a |
| khu phố 2 | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 38' 00" | 105° 34' 55" | | | | | E-48-8-C-a |
| khu phố 3 | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 38' 10" | 105° 34' 32" | | | | | E-48-8-C-a |
| khu phố 4 | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 38' 07" | 105° 35' 10" | | | | | E-48-8-C-a |
| quốc lộ 45 | KX | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-a |
| khu phố Hải Ninh | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 38' 33" | 105° 34' 51" | | | | | E-48-8-C-a |
| khu phố Hải Tiến | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 38' 38" | 105° 35' 24" | | | | | E-48-8-C-a |
| Sông Mực | TV | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-a |
| khu phố Vĩnh Long 1 | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 38' 33" | 105° 34' 36" | | | | | E-48-8-C-a |
| khu phố Vĩnh Long 2 | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 38' 48" | 105° 34' 37" | | | | | E-48-8-C-a |
| khu phố Xuân Điền | DC | TT. Bến Sung | H. Như Thanh | 19° 38' 13" | 105° 35' 42" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn 1 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 30" | 105° 28' 23" | | | | | E-48-7-B-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 2 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 24" | 105° 29' 17" | | | | | E-48-7-B-d |
| thôn 3 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 09" | 105° 29' 38" | | | | | E-48-7-B-d |
| thôn 4 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 46' 29" | 105° 29' 49" | | | | | E-48-7-B-d |
| thôn 5 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 46' 02" | 105° 30' 47" | | | | | E-48-8-A-c |
| thôn 6 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 46' 24" | 105° 30' 25" | | | | | E-48-8-A-c |
| thôn 7 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 46' 48" | 105° 30' 17" | | | | | E-48-8-A-c |
| thôn 8 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 25" | 105° 29' 42" | | | | | E-48-7-B-d |
| thôn 9 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 37" | 105° 30' 20" | | | | | E-48-7-B-d |
| thôn 10 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 21" | 105° 30' 29" | | | | | E-48-8-A-c |
| thôn 11 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 29" | 105° 31' 12" | | | | | E-48-8-A-c |
| thôn 12 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 42" | 105° 30' 13" | | | | | E-48-8-A-c |
| thôn 13 | DC | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 59" | 105° 30' 58" | | | | | E-48-8-A-c |
| đường tỉnh 514 | KX | xã Cán Khê | H. Như Thanh | | | 19° 50' 09" | 105° 38' 42" | 19° 52' 28" | 105° 27' 45" | E-48-7-D-b, E-48-7-B-d |
| núi Bờ Ban | SV | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 39" | 105° 26' 22" | | | | | E-48-7-B-d |
| Núi Cao | SV | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 48" | 105° 29' 15" | | | | | E-48-7-B-d |
| Khe Dài | TV | xã Cán Khê | H. Như Thanh | | | 19° 44' 46" | 105° 29' 13" | 19° 45' 06" | 105° 25' 25" | E-48-7-B-d |
| Núi Xưa | SV | xã Cán Khê | H. Như Thanh | 19° 47' 10" | 105° 30' 25" | | | | | E-48-8-A-c |
| quốc lộ 45 | KX | xã Hải Long | H. Như Thanh | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-a |
| thôn Cầu Đất | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 39' 14" | 105° 33' 29" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Hải | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 38' 08" | 105° 33' 54" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Lớn | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 38' 23" | 105° 33' 23" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Long | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 38' 55" | 105° 34' 08" | | | | | E-48-8-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Đồng Xuân | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 38' 36" | 105° 33' 22" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Hải Tân | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 38' 46" | 105° 33' 32" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Hải Thanh | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 38' 46" | 105° 33' 54" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Hải Xuân | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 38' 57" | 105° 33' 18" | | | | | E-48-8-C-a |
| Sông Mực | TV | xã Hải Long | H. Như Thanh | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-a |
| hồ Sông Mực | TV | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 36' 23" | 105° 31' 12" | | | | | E-48-8-C-a, E-48-8-C-c |
| thôn Tân Long | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 38' 22" | 105° 32' 17" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Vĩnh Lợi | DC | xã Hải Long | H. Như Thanh | 19° 39' 07" | 105° 34' 37" | | | | | E-48-8-C-a |
| quốc lộ 15A | KX | xã Hải Vân | H. Như Thanh | | | 20° 33' 37" | 105° 01' 17" | 20° 05' 33" | 105° 22' 16" | E-48-8-C-a, E-48-8-C-c |
| thôn Bến En | DC | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 37' 13" | 105° 32' 16" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Cầu Máng | DC | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 37' 47" | 105° 35' 02" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồi Dẻ | DC | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 37' 34" | 105° 34' 23" | | | | | E-48-8-C-a |
| núi Đồng Hang | SV | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 37' 19" | 105° 33' 40" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Đồng Mười | DC | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 37' 09" | 105° 34' 52" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Kim Sơn | DC | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 38' 14" | 105° 34' 19" | | | | | E-48-8-C-a |
| Sông Mực | TV | xã Hải Vân | H. Như Thanh | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-a |
| hồ Sông Mực | TV | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 36' 23" | 105° 31' 12" | | | | | E-48-8-C-a, E-48-8-C-c |
| thôn Vân Thành | DC | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 36' 35" | 105° 34' 19" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Xuân Lai | DC | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 36' 40" | 105° 33' 32" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Xuân Phong | DC | xã Hải Vân | H. Như Thanh | 19° 37' 55" | 105° 34' 23" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Bái Gạo 1 | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 40' 57" | 105° 34' 30" | | | | | E-48-8-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Bái Gạo 2 | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 41' 07" | 105° 34' 30" | | | | | E-48-8-C-a |
| đỉnh Bu Bu | SV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 44' 13" | 105° 34' 20" | | | | | E-48-8-C-a |
| Đồi Cả | SV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 40' 57" | 105° 36' 04" | | | | | E-48-8-C-a |
| Khe Cái | TV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | | | 19° 44' 02" | 105° 31' 19" | 19° 40' 19" | 105° 35' 42" | E-48-8-C-a |
| thôn Cầu Hồ | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 42' 18" | 105° 34' 12" | | | | | E-48-8-C-a |
| suối Cửa Rừng | TV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | | | 19° 41' 20" | 105° 36' 40" | 19° 40' 02" | 105° 37' 08" | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Bớp | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 42' 04" | 105° 33' 29" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Mọc | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 40' 57" | 105° 35' 28" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Nghiêm | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 41' 39" | 105° 34' 12" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Thọ | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 41' 50" | 105° 35' 06" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Tiến | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 41' 19" | 105° 35' 42" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Vinh | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 41' 55" | 105° 34' 30" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Yên | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 39' 58" | 105° 34' 55" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Hợp Tiến | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 40' 21" | 105° 34' 52" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Liên Minh | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 40' 40" | 105° 35' 28" | | | | | E-48-8-C-a |
| hồ Mậu Lâm | TV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 41' 29" | 105° 34' 55" | | | | | E-48-8-C-a |
| đồi Nâm Chùa | SV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 40' 33" | 105° 35' 49" | | | | | E-48-8-C-a |
| Khe Ngạt | TV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | | | 19° 40' 19" | 105° 35' 42" | 19° 38' 27" | 105° 36' 14" | E-48-8-C-a |
| Núi Nưa | SV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 43' 00" | 105° 36' 14" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Phúc Tân | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 42' 58" | 105° 34' 44" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Rộc Môn | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 42' 48" | 105° 33' 50" | | | | | E-48-8-C-a |
| Khe Sình | TV | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | | | 19° 40' 51" | 105° 35' 53" | 19° 40' 02" | 105° 37' 08" | E-48-8-C-a |
| thôn Tâm Tiến | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 40' 58" | 105° 35' 56" | | | | | E-48-8-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Tiến Tâm | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 42' 06" | 105° 34' 59" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Yên Thọ | DC | xã Mậu Lâm | H. Như Thanh | 19° 39' 50" | 105° 35' 46" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Bồng Sơn | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 39' 33" | 105° 37' 54" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Bồng Thượng | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 39' 36" | 105° 37' 59" | | | | | E-48-8-C-b |
| suối Cửa Rừng | TV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | | | 19° 41' 20" | 105° 36' 40" | 19° 40' 02" | 105° 37' 08" | E-48-8-C-a |
| hồ Đá Bàn | TV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 40' 07" | 105° 37' 52" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Đồng Sình | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 39' 30" | 105° 36' 45" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đức Nhuận | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 39' 11" | 105° 38' 15" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Eo Son | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 39' 01" | 105° 37' 10" | | | | | E-48-8-C-a |
| núi Hạ Sơn | SV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 41' 20" | 105° 38' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Khe Sình | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 39' 56" | 105° 37' 24" | | | | | E-48-8-C-a |
| Sông Mực | TV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-a |
| Núi Ná | SV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 38' 33" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-8-C-a |
| Đồi Nậm | SV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 40' 33" | 105° 35' 49" | | | | | E-48-8-C-a |
| Khe Ngạt | TV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | | | 19° 40' 19" | 105° 35' 42" | 19° 38' 27" | 105° 36' 14" | E-48-8-C-a |
| Núi Nưa | SV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 41' 44" | 105° 38' 17" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Phú Nhuận | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 40' 13" | 105° 36' 04" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Phú Phượng 1 | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 40' 34" | 105° 35' 59" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Phú Phượng 2 | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 40' 35" | 105° 36' 14" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Phú Phượng 3 | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 40' 38" | 105° 36' 19" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Phú Phượng 4 | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 40' 39" | 105° 36' 46" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Phú Quang | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 39' 10" | 105° 36' 08" | | | | | E-48-8-C-a |
| Khe Sình | TV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | | | 19° 40' 51" | 105° 35' 53" | 19° 40' 02" | 105° 37' 08" | E-48-8-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Tân Phú | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 39' 41" | 105° 36' 04" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Thanh Sơn | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 40' 03" | 105° 36' 37" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Thung Khế | DC | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | 19° 38' 42" | 105° 36' 31" | | | | | E-48-8-C-a |
| Suối Vắt | TV | xã Phú Nhuận | H. Như Thanh | | | 19° 40' 01" | 105° 37' 08" | 19° 38' 49" | 105° 38' 42" | E-48-8-C-a, E-48-8-C-b |
| thôn 1 | DC | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 33' 22" | 105° 34' 49" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 2 | DC | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 33' 02" | 105° 35' 05" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 3 | DC | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 32' 40" | 105° 35' 19" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 4 | DC | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 32' 39" | 105° 35' 36" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 5 | DC | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 32' 00" | 105° 35' 34" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 6 | DC | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 33' 30" | 105° 35' 56" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 7 | DC | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 33' 33" | 105° 35' 38" | | | | | E-48-8-C-c |
| Suối Cốm | TV | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | | | 19° 30' 46" | 105° 34' 39" | 19° 34' 53" | 105° 37' 11" | E-48-8-C-c |
| hồ Khe Dài | TV | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 32' 41" | 105° 34' 52" | | | | | E-48-8-C-c |
| Núi Voi | SV | xã Phúc Đường | H. Như Thanh | 19° 30' 31" | 105° 34' 41" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Bái Bò | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 43' 57" | 105° 33' 32" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Bái Đa 1 | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 43' 06" | 105° 32' 52" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Bái Đa 2 | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 42' 44" | 105° 33' 18" | | | | | E-48-8-C-a |
| đỉnh Bu Bu | SV | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 44' 13" | 105° 34' 20" | | | | | E-48-8-C-a |
| Khe Cái | TV | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | | | 19° 44' 02" | 105° 31' 19" | 19° 40' 19" | 105° 35' 42" | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Bai | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 43' 33" | 105° 32' 28" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Bể | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 45' 07" | 105° 32' 15" | | | | | E-48-8-A-c |
| khe Đồng Eo | TV | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | | | 19° 45' 21" | 105° 33' 11" | 19° 45' 28" | 105° 32' 38" | E-48-8-A-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| núi Đồng Huân | SV | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 43' 16" | 105° 29' 33" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Mách | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 43' 31" | 105° 31' 59" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Phông | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 43' 21" | 105° 30' 54" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Thung | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 45' 00" | 105° 32' 53" | | | | | E-48-8-C-a |
| Núi Khau | SV | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 44' 43" | 105° 28' 57" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Khe Đen | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 43' 43" | 105° 31' 59" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Khe Tre | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 44' 04" | 105° 31' 15" | | | | | E-48-8-C-a |
| dốc Nổ Đó | SV | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 44' 27" | 105° 32' 42" | | | | | E-48-8-C-a |
| Núi Nưa | SV | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 45' 15" | 105° 33' 47" | | | | | E-48-8-A-c |
| thôn Phượng Hưng | DC | xã Phượng Nghi | H. Như Thanh | 19° 43' 20" | 105° 33' 47" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Bái Ổi | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 26' 58" | 105° 37' 26" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Bái Sim | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 27' 16" | 105° 38' 29" | | | | | E-48-20-A-b |
| Núi Đền | SV | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 27' 22" | 105° 37' 08" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Đồng Hẩm | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 27' 59" | 105° 37' 34" | | | | | E-48-20-A-b |
| thôn Đồng Tâm | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 24' 17" | 105° 37' 37" | | | | | E-48-20-A-b |
| thôn Đồng Tiến | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 24' 31" | 105° 37' 21" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Đồng Ván | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 25' 02" | 105° 37' 39" | | | | | E-48-20-A-b |
| suối Hòn Chuối | TV | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | | | 19° 25' 35" | 105° 39' 11" | 19° 27' 18" | 105° 38' 38" | E-48-20-A-b |
| núi Hòn Quánh | SV | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 27' 22" | 105° 38' 56" | | | | | E-48-20-A-b |
| thôn Khe Cát | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 28' 24" | 105° 36' 42" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Kim Đồng | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 27' 45" | 105° 38' 03" | | | | | E-48-20-A-b |
| thôn Kỳ Thượng | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 28' 37" | 105° 37' 55" | | | | | E-48-20-A-b |
| núi Lốc Ê | SV | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 25' 27" | 105° 38' 34" | | | | | E-48-20-A-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| đường Nghi Sơn/ Bãi Trành | KX | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | | | 19° 18' 39" | 105° 48' 02" | 19° 28' 10" | 105° 26' 16" | E-48-20-A-b, E-48-20-A-a |
| Suối Nứa | TV | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | | | 19° 24' 35" | 105° 37' 41" | 19° 23' 47" | 105° 38' 53" | E-48-20-A-b |
| thôn Thanh Bình | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 26' 25" | 105° 36' 50" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Thanh Sơn | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 27' 24" | 105° 37' 34" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Thanh Tâm | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 25' 18" | 105° 37' 20" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Thanh Trung | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 27' 43" | 105° 37' 11" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Thanh Xuân | DC | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 25' 47" | 105° 37' 05" | | | | | E-48-20-A-a |
| hồ Yên Mỹ | TV | xã Thanh Kỳ | H. Như Thanh | 19° 29' 02" | 105° 38' 46" | | | | | E-48-20-A-a, E-48-20-A-b |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-20-A-a |
| suối Ba Thang | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 23' 54" | 105° 35' 28" | 19° 26' 33" | 105° 35' 46" | E-48-20-A-a |
| núi Bái Bếp | SV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 27' 35" | 105° 31' 44" | | | | | E-48-20-A-a |
| Khe Bồ | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 24' 35" | 105° 34' 36" | 19° 23' 54" | 105° 35' 28" | E-48-20-A-a |
| thôn Bò Lăn | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 23' 45" | 105° 34' 55" | | | | | E-48-20-A-a |
| Khe Chè | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 25' 32" | 105° 34' 30" | 19° 24' 23" | 105° 35' 42" | E-48-20-A-a |
| khe Đá Mài | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 29' 51" | 105° 34' 52" | 19° 29' 56" | 105° 35' 53" | E-48-8-C-c, E-48-20-A-a |
| Suối Dâu | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 26' 43" | 105° 34' 26" | 19° 28' 03" | 105° 35' 42" | E-48-20-A-a |
| Núi Đền | SV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 26' 30" | 105° 32' 20" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Đồng Dẻ | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 28' 43" | 105° 26' 14" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Đồng Lấm | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 29' 21" | 105° 36' 22" | | | | | E-48-20-A-a |
| Suối Giang | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 30' 40" | 105° 33' 36" | 19° 29' 17" | 105° 31' 22" | E-48-8-C-c, E-48-20-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| núi Hòn Chùa | SV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 29' 49" | 105° 36' 11" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Khả La | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 30' 05" | 105° 39' 17" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Khe Cát | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 28' 35" | 105° 33' 22" | | | | | E-48-20-A-a |
| Khe Lương | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 22' 47" | 105° 36' 00" | 19° 23' 54" | 105° 35' 28" | E-48-20-A-c, E-48-20-A-a |
| suối Máy Lu | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 30' 02" | 105° 34' 23" | 19° 27' 39" | 105° 32' 17" | E-48-8-C-c, E-48-20-A-a |
| đường Nghi Sơn/ Bãi Trành | KX | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 18' 39" | 105° 48' 02" | 19° 28' 10" | 105° 26' 16" | E-48-20-A-a |
| thôn Tân Hùng | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 25' 00" | 105° 36' 07" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Tân Mỹ | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 30' 15" | 105° 36' 04" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Tân Quang | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 27' 59" | 105° 33' 50" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Tân Thành | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 28' 17" | 105° 35' 20" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Tân Tiến | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 28' 26" | 105° 35' 58" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Tân Vinh | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 27' 06" | 105° 33' 28" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Thanh Quang | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 27' 13" | 105° 33' 00" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Thanh Vinh | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 26' 20" | 105° 33' 32" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Thanh Xuân | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 28' 11" | 105° 34' 48" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Tiền Tiến | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 26' 42" | 105° 35' 42" | | | | | E-48-20-A-a |
| suối Tờ Lờng | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 27' 39" | 105° 32' 17" | 19° 27' 12" | 105° 32' 02" | E-48-20-A-a |
| Khe Trổ | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | | | 19° 26' 33" | 105° 35' 46" | 19° 28' 03" | 105° 35' 46" | E-48-20-A-a |
| thôn Trung Tiến | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 25' 40" | 105° 36' 03" | | | | | E-48-20-A-a |
| Núi Voi | SV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 30' 31" | 105° 34' 41" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Vườn Dâu | DC | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 27' 39" | 105° 35' 06" | | | | | E-48-20-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| hồ Yên Mỹ | TV | xã Thanh Tân | H. Như Thanh | 19° 29' 02" | 105° 38' 46" | | | | | E-48-20-A-a |
| kênh C6 | TV | xã Xuân Du | H. Như Thanh | | | 19° 54' 54" | 105° 30' 08" | 19° 46' 59" | 105° 34' 55" | E-48-8-A-c |
| Làng Các | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 47' 19" | 105° 33' 44" | | | | | E-48-8-A-c |
| Làng Chén | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 46' 29" | 105° 34' 01" | | | | | E-48-8-A-c |
| Làng Chùa | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 47' 32" | 105° 33' 22" | | | | | E-48-8-A-c |
| hồ Đồng Bể | TV | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 45' 25" | 105° 32' 13" | | | | | E-48-8-A-c |
| làng Đông Bún | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 45' 17" | 105° 31' 39" | | | | | E-48-8-A-c |
| khe Đồng Eo | TV | xã Xuân Du | H. Như Thanh | | | 19° 45' 21" | 105° 33' 11" | 19° 45' 28" | 105° 32' 38" | E-48-8-A-c |
| làng Đông Phú | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 47' 23" | 105° 34' 27" | | | | | E-48-8-A-c |
| làng Giang Khê | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 47' 05" | 105° 33' 01" | | | | | E-48-8-A-c |
| Làng Hợi | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 46' 03" | 105° 32' 25" | | | | | E-48-8-A-c |
| Làng Lâu | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 46' 22" | 105° 33' 24" | | | | | E-48-8-A-c |
| Làng Mĩ | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 46' 32" | 105° 33' 16" | | | | | E-48-8-A-c |
| Núi Nưa | SV | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 45' 15" | 105° 33' 47" | | | | | E-48-8-A-c |
| chùa Phủ Na | KX | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 45' 51" | 105° 33' 14" | | | | | E-48-8-A-c |
| Làng Sen | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 46' 22" | 105° 32' 56" | | | | | E-48-8-A-c |
| làng Tân Lập | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 46' 45" | 105° 34' 30" | | | | | E-48-8-A-c |
| làng Trung Vạo | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 47' 24" | 105° 34' 01" | | | | | E-48-8-A-c |
| làng Trường Sơn | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 46' 34" | 105° 34' 12" | | | | | E-48-8-A-c |
| làng Xuân Hùng | DC | xã Xuân Du | H. Như Thanh | 19° 46' 24" | 105° 33' 47" | | | | | E-48-8-A-c |
| quốc lộ 45 | KX | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-a, E-48-7-D-b |
| suối Bến Ván | TV | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | | | 19° 41' 29" | 105° 31' 07" | 19° 40' 35" | 105° 31' 33" | E-48-8-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| suối Đồng Hơn | TV | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | | | 19° 40' 55" | 105° 28' 48" | 19° 38' 32" | 105° 34' 27" | E-48-8-C-a, E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Hơn | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 40' 35" | 105° 31' 12" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đồng Mưa | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 41' 12" | 105° 29' 53" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Phượng Xuân | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 41' 44" | 105° 31' 04" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Trạch Khang | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 41' 02" | 105° 31' 32" | | | | | E-48-8-C-a |
| Dốc Trầu | SV | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 41' 08" | 105° 28' 30" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Xuân Cường | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 39' 47" | 105° 33' 14" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Xuân Hòa | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 41' 31" | 105° 31' 03" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Xuân Hưng | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 39' 28" | 105° 32' 59" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Xuân Lộc | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 40' 34" | 105° 31' 52" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Xuân Sinh | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 39' 34" | 105° 32' 49" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Xuân Thành | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 40' 12" | 105° 32' 31" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Xuân Tiến | DC | xã Xuân Khang | H. Như Thanh | 19° 40' 21" | 105° 30' 47" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn 1 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 34' 39" | 105° 35' 31" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 2 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 34' 43" | 105° 34' 59" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 3 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 35' 03" | 105° 35' 02" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 4 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 35' 15" | 105° 35' 35" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 5 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 35' 40" | 105° 34' 48" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 6 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 35' 51" | 105° 34' 48" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 7 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 35' 58" | 105° 34' 34" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 8 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 36' 05" | 105° 35' 28" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn 9 | DC | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 35' 25" | 105° 34' 52" | | | | | E-48-8-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Suối Cốm | TV | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | | | 19° 30' 46" | 105° 34' 39" | 19° 34' 53" | 105° 37' 11" | E-48-8-C-c |
| Dốc Cục | SV | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 34' 52" | 105° 33' 40" | | | | | E-48-8-C-c |
| núi Đầu Lợn | SV | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 35' 37" | 105° 33' 16" | | | | | E-48-8-C-c |
| núi Đồng Mười | SV | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 36' 10" | 105° 35' 13" | | | | | E-48-8-C-c |
| Núi Lum | SV | xã Xuân Phúc | H. Như Thanh | 19° 35' 36" | 105° 35' 51" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Ao Ràng | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 32' 43" | 105° 31' 41" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Ấp Cũ | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 32' 22" | 105° 32' 20" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Ba Bái | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 31' 55" | 105° 29' 38" | | | | | E-48-7-D-d |
| thôn Cây Nghia | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 32' 46" | 105° 32' 06" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Cốc 1 | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 31' 51" | 105° 30' 43" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Cốc 2 | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 32' 01" | 105° 31' 05" | | | | | E-48-8-C-c |
| Dốc Cục | SV | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 34' 52" | 105° 33' 40" | | | | | E-48-8-C-c |
| núi Đầu Lợn | SV | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 35' 37" | 105° 33' 16" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Đồng Lườn | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 33' 33" | 105° 31' 59" | | | | | E-48-8-C-c |
| suối Đồng Thô | TV | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | | | 19° 32' 53" | 105° 28' 37" | 19° 33' 21" | 105° 30' 15" | E-48-7-D-d, E-48-8-C-c |
| Suối Giang | TV | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | | | 19° 30' 40" | 105° 33' 36" | 19° 29' 17" | 105° 31' 22" | E-48-8-C-c, E-48-20-A-a |
| Sông Hận | TV | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | | | 19° 33' 13" | 105° 27' 29" | 19° 34' 09" | 105° 28' 59" | E-48-7-D-d |
| thôn Làng Lúng | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 32' 34" | 105° 31' 19" | | | | | E-48-8-C-c |
| núi Nậm Dạc | SV | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 31' 05" | 105° 26' 49" | | | | | E-48-7-D-d |
| đường Nghi Sơn/ Bãi Trành | KX | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | | | 19° 18' 39" | 105° 48' 02" | 19° 28' 10" | 105° 26' 16" | E-48-20-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Suối Quảng | TV | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | | | 19° 31' 14" | 105° 32' 06" | 19° 33' 21" | 105° 30' 15" | E-48-7-D-d, E-48-8-C-c, E-48-19-B-b |
| thôn Quảng Đại | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 30' 39" | 105° 29' 31" | | | | | E-48-7-D-d |
| hồ Sông Mực | TV | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 36' 23" | 105° 31' 12" | | | | | E-48-7-D-d, E-48-8-C-c |
| thôn Thanh Xuân | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 29' 05" | 105° 31' 05" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Yên Khang | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 34' 42" | 105° 32' 13" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Yên Vinh | DC | xã Xuân Thái | H. Như Thanh | 19° 29' 52" | 105° 30' 25" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn 5 | DC | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 46' 33" | 105° 27' 47" | | | | | E-48-7-B-d |
| thôn 6 | DC | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 45' 15" | 105° 29' 20" | | | | | E-48-7-B-d |
| đường tỉnh 514 | KX | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | | | 19° 50' 09" | 105° 38' 42" | 19° 52' 28" | 105° 27' 45" | E-48-8-C-a, E-48-7-B-d |
| núi Bờ Ban | SV | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 47' 39" | 105° 26' 22" | | | | | E-48-7-B-d |
| Thôn Chanh | DC | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 45' 57" | 105° 28' 30" | | | | | E-48-7-B-d |
| Suối Dài | TV | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | | | 19° 44' 46" | 105° 29' 13" | 19° 45' 06" | 105° 25' 25" | E-48-7-D-b, E-48-7-D-b |
| Thôn Đông | DC | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 46' 33" | 105° 29' 02" | | | | | E-48-7-B-d |
| Núi Khau | SV | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 44' 43" | 105° 28' 57" | | | | | E-48-7-D-b |
| Dốc Lìu | SV | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 46' 41" | 105° 29' 02" | | | | | E-48-7-B-d |
| thôn Mó 1 | DC | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 44' 58" | 105° 28' 08" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Mó 2 | DC | xã Xuân Thọ | H. Như Thanh | 19° 45' 37" | 105° 27' 43" | | | | | E-48-7-B-d |
| thôn Ao Mè | DC | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 31' 40" | 105° 37' 51" | | | | | E-48-8-C-d |
| hồ Ao Sen | TV | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 32' 57" | 105° 37' 48" | | | | | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Ba Cồn | DC | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 32' 02" | 105° 38' 23" | | | | | E-48-8-C-d |
| khe Cổ Ngựa | TV | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | | | 19° 30' 37" | 105° 36' 53" | 19° 31' 32" | 105° 40' 58" | E-48-8-C-d |
| núi Dốc Sạn | SV | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 30' 58" | 105° 36' 01" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Đồng Trung | DC | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 32' 44" | 105° 38' 19" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Đồng Yên | DC | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 32' 46" | 105° 37' 59" | | | | | E-48-8-C-c |
| hồ Khe Lau | TV | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 32' 21" | 105° 37' 44" | | | | | E-48-8-C-c, E-48-8-C-d |
| hồ Khe Tre | TV | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 30' 36" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Mỹ Lạc | DC | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 31' 27" | 105° 38' 28" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Long | DC | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 31' 05" | 105° 38' 14" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Tiến | DC | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 30' 58" | 105° 37' 58" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Xuân | DC | xã Yên Lạc | H. Như Thanh | 19° 30' 48" | 105° 37' 17" | | | | | E-48-8-C-c |
| kênh Bắc Sông Mực | TV | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | | | 19° 37' 43" | 105° 35' 56" | 19° 50' 59" | 105° 36' 24" | E-48-8-C-a |
| Suối Chậm | TV | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | | | 19° 34' 53" | 105° 37' 11" | 19° 36' 18" | 105° 40' 05" | E-48-8-C-c, E-48-8-C-d |
| thôn Chẩm Khê | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 35' 40" | 105° 37' 19" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Chợ Mới | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 36' 17" | 105° 35' 56" | | | | | E-48-8-C-c |
| Suối Cốm | TV | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | | | 19° 30' 46" | 105° 34' 39" | 19° 34' 53" | 105° 37' 11" | E-48-8-C-c |
| thôn Cự Thịnh | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 36' 27" | 105° 36' 07" | | | | | E-48-8-C-c |
| núi Đồng Mười | SV | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 36' 10" | 105° 35' 13" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Hợp Thịnh | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 35' 53" | 105° 36' 33" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Hùng Sơn | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 34' 57" | 105° 36' 32" | | | | | E-48-8-C-c |
| Núi Lum | SV | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 35' 36" | 105° 35' 51" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Minh Thịnh | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 35' 57" | 105° 36' 12" | | | | | E-48-8-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Mực | TV | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-a |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-a, E-48-8-C-c |
| thôn Quần Thọ | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 37' 24" | 105° 35' 31" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Tân Hùng | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 34' 42" | 105° 36' 54" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Tân Thịnh | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 36' 14" | 105° 36' 07" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Tân Thọ | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 36' 55" | 105° 35' 45" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Thống Nhất | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 35' 03" | 105° 37' 12" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Xuân Thịnh | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 35' 39" | 105° 36' 22" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Xuân Thọ | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 36' 36" | 105° 35' 38" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Yên Trung | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 38' 13" | 105° 36' 00" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Yên Xuân | DC | xã Yên Thọ | H. Như Thanh | 19° 35' 15" | 105° 36' 18" | | | | | E-48-8-C-c |
| khu phố 1 | DC | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | 19° 40' 01" | 105° 26' 00" | | | | | E-48-7-D-b |
| khu phố 2 | DC | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | 19° 40' 02" | 105° 26' 24" | | | | | E-48-7-D-b |
| khu phố 3 | DC | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | 19° 40' 10" | 105° 26' 10" | | | | | E-48-7-D-b |
| khu phố 4 | DC | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | 19° 39' 54" | 105° 25' 44" | | | | | E-48-7-D-b |
| quốc lộ 45 | KX | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-7-D-b |
| núi Đá Lèn | SV | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | 19° 39' 31" | 105° 26' 42" | | | | | E-48-7-D-b |
| đường Hồ Chí Minh | KX | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-7-D-b |
| Thôn Lúng | DC | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | 19° 40' 11" | 105° 25' 48" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Thăng Bình | DC | TT. Yên Cát | H. Như Xuân | 19° 39' 50" | 105° 27' 00" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn 1 | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 16" | 105° 26' 28" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn 3 | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 31" | 105° 26' 02" | | | | | E-48-19-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 6 | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 42" | 105° 24' 25" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn 10 | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 48" | 105° 23' 46" | | | | | E-48-19-B-b |
| núi Bao Chè | SV | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 29' 16" | 105° 24' 54" | | | | | E-48-19-B-b |
| Thôn Cầu | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 12" | 105° 26' 17" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn Chôi Trờn | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 27' 34" | 105° 26' 39" | | | | | E-48-19-B-b |
| Thôn Hồ | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 08" | 105° 26' 30" | | | | | E-48-19-B-b |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-19-B-b |
| Thôn Má | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 27' 38" | 105° 23' 38" | | | | | E-48-19-B-b |
| Thôn Me | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 27' 39" | 105° 26' 42" | | | | | E-48-19-B-b |
| Núi Mơ | SV | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 02" | 105° 26' 53" | | | | | E-48-19-B-b |
| đường Nghi Sơn/ Bãi Trành | KX | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | | | 19° 18' 39" | 105° 48' 02" | 19° 28' 10" | 105° 26' 16" | E-48-19-B-b |
| thôn Nhà Máy | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 27" | 105° 26' 38" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn Vật Tư | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 28' 36" | 105° 26' 20" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn Xuân Khánh | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 27' 48" | 105° 26' 24" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn Xuân Phúc | DC | xã Bãi Trành | H. Như Xuân | 19° 27' 54" | 105° 26' 52" | | | | | E-48-19-B-b |
| núi Bao Khế | SV | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 34' 35" | 105° 27' 32" | | | | | E-48-7-D-d |
| Dốc Bươn | SV | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 37' 45" | 105° 26' 37" | | | | | E-48-7-D-b |
| Đồi Chu | SV | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 37' 51" | 105° 27' 50" | | | | | E-48-7-D-b |
| núi Đá Lèn | SV | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 39' 31" | 105° 26' 42" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Cần | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 38' 28" | 105° 27' 21" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Chèo | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 38' 08" | 105° 26' 49" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Thổ | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 37' 40" | 105° 26' 17" | | | | | E-48-7-D-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Hận | TV | xã Bình Lương | H. Như Xuân | | | 19° 33' 13" | 105° 27' 29" | 19° 34' 09" | 105° 28' 59" | E-48-7-D-d |
| thôn Hợp Thành | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 36' 46" | 105° 27' 26" | | | | | E-48-7-D-d |
| thôn Làng Gió | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 38' 55" | 105° 26' 12" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Làng Lườn | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 39' 18" | 105° 25' 35" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Làng Mài | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 36' 16" | 105° 28' 20" | | | | | E-48-7-D-d |
| thôn Làng Sao | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 38' 35" | 105° 26' 48" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Quang Trung | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 39' 32" | 105° 26' 10" | | | | | E-48-7-D-b |
| hồ Sông Mực | TV | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 36' 23" | 105° 31' 12" | | | | | E-48-7-D-d, E-48-8-C-c |
| thôn Thắng Lộc | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 38' 54" | 105° 26' 52" | | | | | E-48-7-D-b |
| Dốc Trực | SV | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 38' 43" | 105° 27' 47" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Xuân Lương | DC | xã Bình Lương | H. Như Xuân | 19° 36' 24" | 105° 27' 47" | | | | | E-48-7-D-d |
| thôn Cát Lợi | DC | xã Cát Tân | H. Như Xuân | 19° 41' 37" | 105° 23' 44" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Cát Thịnh | DC | xã Cát Tân | H. Như Xuân | 19° 42' 44" | 105° 22' 01" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Cát Xuân | DC | xã Cát Tân | H. Như Xuân | 19° 41' 02" | 105° 24' 35" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Phụ Vân | DC | xã Cát Tân | H. Như Xuân | 19° 42' 40" | 105° 22' 49" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Tân Lợi | DC | xã Cát Tân | H. Như Xuân | 19° 41' 50" | 105° 23' 38" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Tân Thanh | DC | xã Cát Tân | H. Như Xuân | 19° 40' 43" | 105° 23' 37" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Tân Xuân | DC | xã Cát Tân | H. Như Xuân | 19° 41' 33" | 105° 24' 18" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Thanh Vân | DC | xã Cát Tân | H. Như Xuân | 19° 40' 56" | 105° 23' 31" | | | | | E-48-7-D-b |
| Sông Xanh | TV | xã Cát Tân | H. Như Xuân | | | 19° 43' 42" | 105° 22' 41" | 19° 43' 45" | 105° 26' 12" | E-48-7-D-b |
| thôn Vân Bình | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 41' 50" | 105° 22' 41" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Vân Hòa | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 41' 02" | 105° 22' 58" | | | | | E-48-7-D-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Vân Phúc | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 41' 08" | 105° 20' 51" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Vân Sơn | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 41' 12" | 105° 22' 15" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Vân Thành | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 41' 05" | 105° 22' 07" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Vân Thọ | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 41' 27" | 105° 22' 34" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Vân Thương | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 41' 18" | 105° 22' 47" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Vân Thượng | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 40' 39" | 105° 22' 07" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Vân Tiến | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 42' 04" | 105° 20' 49" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Vân Trung | DC | xã Cát Vân | H. Như Xuân | 19° 41' 42" | 105° 21' 47" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Đồng Quan | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 40' 07" | 105° 23' 02" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Tâm | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 40' 12" | 105° 23' 32" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Xuân | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 38' 36" | 105° 24' 25" | | | | | E-48-7-D-b |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-7-D-b |
| thôn Liên Hiệp | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 39' 05" | 105° 23' 41" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Luống Đồng | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 37' 35" | 105° 24' 42" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Quảng Hợp | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 38' 21" | 105° 24' 32" | | | | | E-48-7-D-b |
| Suối Quyền | TV | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | | | 19° 38' 01" | 105° 24' 11" | 19° 35' 32" | 105° 20' 35" | E-48-7-D-b |
| thôn Tân Thịnh | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 38' 33" | 105° 24' 04" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Thanh Lương | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 37' 20" | 105° 25' 35" | | | | | E-48-7-D-d |
| thôn Thanh Tân | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 38' 45" | 105° 24' 42" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Thanh Xuân | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 38' 03" | 105° 24' 33" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Thịnh Lạc | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 38' 48" | 105° 23' 32" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Xóm Đon | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 39' 09" | 105° 23' 25" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Xuân Đàm | DC | xã Hóa Quỳ | H. Như Xuân | 19° 36' 12" | 105° 25' 12" | | | | | E-48-7-D-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Đồi Chu | SV | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 37' 51" | 105° 27' 50" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đức Bình | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 38' 40" | 105° 30' 11" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Làng Lung | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 37' 40" | 105° 28' 26" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Mai Thắng | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 38' 20" | 105° 28' 23" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Rộc Nái | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 38' 15" | 105° 30' 36" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Sơn Bình | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 39' 08" | 105° 30' 25" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Sơn Thủy | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 38' 13" | 105° 29' 17" | | | | | E-48-7-D-b |
| hồ Sông Mực | TV | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 36' 23" | 105° 31' 12" | | | | | E-48-7-D-(b,d), E-48-8-C-(a,c) |
| thôn Tân Lập | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 38' 40" | 105° 28' 34" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Tân Sơn | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 40' 11" | 105° 28' 16" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Tân Thắng | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 39' 10" | 105° 28' 52" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Tân Thành | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 39' 04" | 105° 29' 42" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Thanh Bình | DC | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 39' 04" | 105° 29' 42" | | | | | E-48-7-D-b |
| hồ Trại Cáo | TV | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 39' 25" | 105° 28' 08" | | | | | E-48-7-D-b |
| Dốc Trực | SV | xã Tân Bình | H. Như Xuân | 19° 38' 43" | 105° 27' 47" | | | | | E-48-7-D-b |
| Trại giam C4 | KX | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | 19° 37' 03" | 105° 19' 37" | | | | | E-48-7-D-c |
| Sông Chàng | TV | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | | | 19° 42' 44" | 105° 10' 19" | 19° 31' 14" | 105° 16' 23" | E-48-7-D-c |
| Sông Hiếu | TV | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | | | 19° 31' 12" | 105° 16' 19" | 19° 28' 37" | 105° 17' 31" | E-48-7-D-c |
| thôn Làng Bai | DC | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | 19° 37' 40" | 105° 17' 57" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Cống | DC | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | 19° 37' 33" | 105° 18' 31" | | | | | E-48-7-D-a |
| Núi Nay | SV | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | 19° 35' 55" | 105° 19' 08" | | | | | E-48-7-D-c |
| Sông Quyền | TV | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | | | 19° 38' 01" | 105° 24' 11" | 19° 35' 32" | 105° 20' 35" | E-48-7-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Tân Hiệp | DC | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | 19° 37' 29" | 105° 18' 21" | | | | | E-48-7-D-c |
| thôn Tân Hòa | DC | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | 19° 37' 01" | 105° 19' 02" | | | | | E-48-7-D-c |
| thôn Tân Thành | DC | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | 19° 37' 54" | 105° 18' 10" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Thanh Sơn | DC | xã Thanh Hòa | H. Như Xuân | 19° 35' 16" | 105° 19' 10" | | | | | E-48-7-D-c |
| Sông Chàng | TV | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | | | 19° 42' 44" | 105° 10' 19" | 19° 31' 14" | 105° 16' 23" | E-48-7-D-a, E-48-7-D-c |
| thôn Đoàn Trung | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 38' 05" | 105° 20' 46" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Chảo | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 39' 29" | 105° 17' 53" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Cọc | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 38' 59" | 105° 18' 47" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Kèn | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 39' 21" | 105° 18' 32" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Kha | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 38' 18" | 105° 19' 01" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Lồng | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 38' 57" | 105° 18' 26" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Lự | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 39' 57" | 105° 17' 49" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Rãy | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 39' 40" | 105° 18' 08" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Xăm | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 38' 37" | 105° 19' 19" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Xắng | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 40' 11" | 105° 17' 10" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Ngọc Thanh | DC | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 38' 04" | 105° 19' 58" | | | | | E-48-7-D-a |
| Núi Vịnh | SV | xã Thanh Lâm | H. Như Xuân | 19° 37' 19" | 105° 21' 40" | | | | | E-48-7-D-c |
| Sông Chàng | TV | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | | | 19° 42' 44" | 105° 10' 19" | 19° 31' 14" | 105° 16' 23" | E-48-7-D-a, E-48-7-C |
| thôn Chạng Vung | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 38' 32" | 105° 17' 27" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Đồng Bàn | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 40' 21" | 105° 15' 31" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Hai Huân | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 39' 37" | 105° 16' 12" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Làng Mèn | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 39' 18" | 105° 16' 53" | | | | | E-48-7-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Ná Húng | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 40' 27" | 105° 14' 58" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Quang Hùng | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 40' 15" | 105° 15' 20" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Tân Hùng | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 40' 13" | 105° 14' 35" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Tân Phong | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 39' 11" | 105° 16' 40" | | | | | E-48-7-D-a |
| núi Tèn Quan | SV | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 38' 59" | 105° 13' 19" | | | | | E-48-7-C |
| Thôn Vung | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 38' 42" | 105° 17' 06" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Xuân Phong | DC | xã Thanh Phong | H. Như Xuân | 19° 38' 49" | 105° 16' 44" | | | | | E-48-7-D-a |
| Núi Câu | SV | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 40' 04" | 105° 12' 04" | | | | | E-48-7-C |
| Sông Chàng | TV | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | | | 19° 42' 44" | 105° 10' 19" | 19° 31' 14" | 105° 16' 23" | E-48-7-C |
| thôn Chiềng Cà 1 | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 41' 32" | 105° 12' 36" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Chiềng Cà 2 | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 41' 31" | 105° 12' 22" | | | | | E-48-7-C |
| Núi Cốc | SV | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 39' 23" | 105° 12' 50" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Kẻ Lạn | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 42' 01" | 105° 13' 11" | | | | | E-48-7-C |
| Bù Kha | SV | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 40' 56" | 105° 10' 48" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Làng Trung | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 42' 09" | 105° 11' 20" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Lâu Quán | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 40' 53" | 105° 14' 06" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Ná Cà 1 | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 41' 19" | 105° 13' 16" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Ná Cà 2 | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 41' 33" | 105° 13' 34" | | | | | E-48-7-C |
| Suối Quăn | TV | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | | | 19° 42' 36" | 105° 16' 12" | 19° 41' 45" | 105° 13' 12" | E-48-7-C |
| thôn Thanh Hương | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 42' 05" | 105° 12' 43" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Thanh Nhân | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 41' 06" | 105° 13' 41" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Thanh Tân | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 41' 42" | 105° 12' 00" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Thanh Tiến | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 42' 24" | 105° 12' 04" | | | | | E-48-7-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Thống Nhất | DC | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 42' 03" | 105° 11' 42" | | | | | E-48-7-C |
| Bù Tôn | SV | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | 19° 41' 05" | 105° 09' 50" | | | | | E-48-7-C |
| Suối Tôn | TV | xã Thanh Quân | H. Như Xuân | | | 19° 41' 51" | 105° 10' 34" | 19° 42' 13" | 105° 11' 42" | E-48-7-C |
| thôn Đồng Chạng | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 28" | 105° 14' 45" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Đồng Sán | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 23" | 105° 15' 24" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Hón Tỉnh | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 44' 03" | 105° 15' 28" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Kẻ Mạnh 1 | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 21" | 105° 13' 30" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Kẻ Mạnh 2 | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 28" | 105° 13' 59" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Kẻ Xui | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 28" | 105° 14' 20" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Làng Mới | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 12" | 105° 14' 57" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Ná Cọ | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 15" | 105° 15' 59" | | | | | E-48-7-D-a |
| Suối Quăn | TV | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | | | 19° 42' 36" | 105° 16' 12" | 19° 41' 45" | 105° 13' 12" | E-48-7-D-a, E-48-7-C |
| thôn Quăn 1 | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 08" | 105° 14' 35" | | | | | E-48-7-C |
| thôn Quăn 2 | DC | xã Thanh Sơn | H. Như Xuân | 19° 42' 18" | 105° 14' 21" | | | | | E-48-7-C |
| Sông Chàng | TV | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | | | 19° 42' 44" | 105° 10' 19" | 19° 31' 14" | 105° 16' 23" | E-48-7-D-a |
| thôn Đồng Phống | DC | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | 19° 41' 43" | 105° 19' 41" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Lâm Chính | DC | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | 19° 42' 03" | 105° 18' 29" | | | | | E-48-7-D-a |
| núi Mỏm Mồ | SV | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | 19° 42' 00" | 105° 19' 08" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Thanh Bình | DC | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | 19° 41' 39" | 105° 17' 38" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Thanh Đồng | DC | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | 19° 41' 36" | 105° 20' 10" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Thanh Thủy | DC | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | 19° 42' 43" | 105° 18' 18" | | | | | E-48-7-D-a |
| thôn Thanh Tiến | DC | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | 19° 40' 36" | 105° 16' 37" | | | | | E-48-7-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Xuân Hòa | DC | xã Thanh Xuân | H. Như Xuân | 19° 42' 12" | 105° 17' 13" | | | | | E-48-7-D-a |
| đường tỉnh 514 | KX | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | | | 19° 50' 09" | 105° 38' 42" | 19° 52' 28" | 105° 27' 45" | E-48-7-D-b |
| sông Bến Mới | TV | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | | | 19° 41' 32" | 105° 27' 34" | 19° 43' 45" | 105° 26' 12" | E-48-7-D-b |
| thôn Bến Ván | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 55" | 105° 25' 42" | | | | | E-48-7-D-b |
| Sông Đằn | TV | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | | | 19° 43' 45" | 105° 26' 12" | 19° 52' 34" | 105° 21' 32" | E-48-7-B-d, E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Chành | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 51" | 105° 25' 16" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Hả | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 50" | 105° 24' 34" | | | | | E-48-7-D-b |
| núi Đồng Huân | SV | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 43' 16" | 105° 29' 33" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Minh | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 40" | 105° 26' 10" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Ngấn | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 43' 09" | 105° 28' 05" | | | | | E-48-7-D-b |
| núi Đồng Nòng | SV | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 44' 10" | 105° 24' 19" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Sòng | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 20" | 105° 25' 57" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Tâm | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 43' 29" | 105° 25' 34" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Thanh | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 15" | 105° 26' 10" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đồng Xuân | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 53" | 105° 26' 31" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Đức Thắng | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 28" | 105° 26' 35" | | | | | E-48-7-D-b |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-7-D-b |
| thôn Khe Khoai | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 43' 30" | 105° 27' 21" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Minh Đức | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 05" | 105° 27' 04" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Sông Xanh | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 42' 51" | 105° 25' 51" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Tiến Thành | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 44' 24" | 105° 24' 55" | | | | | E-48-7-D-b |
| Sông Xanh | TV | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | | | 19° 43' 42" | 105° 22' 41" | 19° 43' 45" | 105° 26' 12" | E-48-7-D-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Xuân Phú | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 43' 51" | 105° 26' 24" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Xuân Thượng | DC | xã Thượng Ninh | H. Như Xuân | 19° 43' 19" | 105° 26' 13" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn 4 | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 28' 13" | 105° 27' 43" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn 5 | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 27' 49" | 105° 28' 19" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn 7 | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 28' 54" | 105° 29' 13" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn 9 | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 28' 27" | 105° 28' 39" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn 12 | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 27' 57" | 105° 28' 44" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn 13 | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 27' 55" | 105° 29' 24" | | | | | E-48-19-B-b |
| núi Bao Chè | SV | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 29' 16" | 105° 24' 54" | | | | | E-48-19-B-b |
| hồ Đồng Cần | TV | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 29' 09" | 105° 27' 43" | | | | | E-48-19-B-b |
| Thôn Hào | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 27' 17" | 105° 27' 14" | | | | | E-48-19-B-b |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-19-B-b |
| thôn Hùng Tiến | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 28' 42" | 105° 27' 29" | | | | | E-48-19-B-b |
| Thôn Mít | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 27' 39" | 105° 27' 22" | | | | | E-48-19-B-b |
| Thôn Mơ | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 28' 39" | 105° 26' 46" | | | | | E-48-19-B-b |
| núi Nậm Dạc | SV | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 31' 05" | 105° 26' 49" | | | | | E-48-7-D-d |
| đường Nghi Sơn/ Bãi Trành | KX | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | | | 19° 18' 39" | 105° 48' 02" | 19° 28' 10" | 105° 26' 16" | E-48-19-B-b |
| Thôn Sim | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 28' 58" | 105° 26' 29" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn Xuân Hợp | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 29' 05" | 105° 27' 14" | | | | | E-48-19-B-b |
| thôn Xuân Phú | DC | xã Xuân Bình | H. Như Xuân | 19° 29' 20" | 105° 26' 38" | | | | | E-48-19-B-b |
| Trại giam số 1 | KX | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 34' 47" | 105° 21' 58" | | | | | E-48-7-D-c |
| thôn 8 | DC | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 32' 21" | 105° 24' 00" | | | | | E-48-7-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| núi Bao Mái | SV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 30' 13" | 105° 22' 26" | | | | | E-48-7-D-c |
| núi Bao Trê | SV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 29' 16" | 105° 24' 54" | | | | | E-48-19-B-b |
| Suối Chai | TV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | | | 19° 32' 47" | 105° 19' 57" | 19° 31' 56" | 105° 20' 17" | E-48-7-D-c |
| núi Đá Chai | SV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 32' 35" | 105° 21' 22" | | | | | E-48-7-D-c |
| thôn Đồng Trình | DC | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 30' 14" | 105° 24' 11" | | | | | E-48-7-D-d |
| Thôn Giăng | DC | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 31' 57" | 105° 23' 38" | | | | | E-48-7-D-d |
| Sông Hiếu | TV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | | | 19° 31' 12" | 105° 16' 19" | 19° 28' 37" | 105° 17' 31" | E-48-19-B-a, E-48-7-D-c |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-7-D-d |
| hồ Khe Hương | TV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 32' 15" | 105° 24' 04" | | | | | E-48-7-D-d |
| hồ Khe Mộc | TV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 32' 57" | 105° 23' 42" | | | | | E-48-7-D-d |
| Núi Liệt | SV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 32' 25" | 105° 19' 16" | | | | | E-48-7-D-c |
| núi Nậm Dạc | SV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 31' 05" | 105° 26' 49" | | | | | E-48-7-D-d |
| Thôn Nghịu | DC | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 32' 10" | 105° 23' 24" | | | | | E-48-7-D-d |
| Thôn Ngòi | DC | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 32' 30" | 105° 23' 31" | | | | | E-48-7-D-d |
| Thôn Ó | DC | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 31' 51" | 105° 23' 24" | | | | | E-48-7-D-d |
| Sông Quyền | TV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | | | 19° 38' 01" | 105° 24' 11" | 19° 35' 32" | 105° 20' 35" | E-48-7-D-c |
| Suối Sịa | TV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | | | 19° 31' 07" | 105° 25' 01" | 19° 34' 51" | 105° 23' 38" | E-48-7-D-d |
| Suối Tòng | TV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | | | 19° 30' 52" | 105° 14' 45" | 19° 28' 37" | 105° 17' 31" | E-48-19-B-a, E-48-7-D-c |
| hồ Trại 1 | TV | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 34' 45" | 105° 22' 34" | | | | | E-48-7-D-c, E-48-7-D-d |
| thôn Xuân Thành | DC | xã Xuân Hòa | H. Như Xuân | 19° 32' 21" | 105° 23' 20" | | | | | E-48-7-D-d |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-7-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Làng Quyền | DC | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | 19° 37' 00" | 105° 23' 06" | | | | | E-48-7-D-d |
| Sông Quyền | TV | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | | | 19° 38' 01" | 105° 24' 11" | 19° 35' 32" | 105° 20' 35" | E-48-7-D-b, E-48-7-D-c, E-48-7-D-d |
| thôn Tân Thành | DC | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | 19° 36' 01" | 105° 22' 34" | | | | | E-48-7-D-d |
| thôn Thanh Hương | DC | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | 19° 36' 58" | 105° 22' 37" | | | | | E-48-7-D-d |
| thôn Thanh Xuân | DC | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | 19° 36' 53" | 105° 21' 53" | | | | | E-48-7-D-c |
| Núi Vịnh | SV | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | 19° 37' 19" | 105° 21' 40" | | | | | E-48-7-D-c |
| thôn Xóm Chuối | DC | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | 19° 37' 13" | 105° 23' 12" | | | | | E-48-7-D-d |
| thôn Xuân Hương | DC | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | 19° 37' 03" | 105° 22' 26" | | | | | E-48-7-D-c |
| thôn Xuân Thành | DC | xã Xuân Quỳ | H. Như Xuân | 19° 36' 50" | 105° 23' 40" | | | | | E-48-7-D-c |
| quốc lộ 45 | KX | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-7-D-b |
| núi Ba Đất | SV | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 40' 13" | 105° 24' 48" | | | | | E-48-7-D-b |
| Dốc Bích | SV | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 40' 54" | 105° 26' 15" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Cát Tiến | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 40' 48" | 105° 27' 32" | | | | | E-48-7-D-b |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | | | 20° 21' 59" | 105° 31' 19" | 19° 26' 37" | 105° 26' 53" | E-48-7-D-b |
| thôn Mỹ Ré | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 40' 11" | 105° 26' 39" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Phú Lễ | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 41' 51" | 105° 27' 41" | | | | | E-48-7-D-b |
| Thôn Quế | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 41' 49" | 105° 27' 07" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Thắng Sơn | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 41' 01" | 105° 25' 34" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Thanh Yên | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 40' 18" | 105° 26' 31" | | | | | E-48-7-D-b |
| Dốc Trầu | SV | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 41' 08" | 105° 28' 30" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Trung Thành | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 41' 08" | 105° 25' 03" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Xuân Chính | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 39' 27" | 105° 25' 08" | | | | | E-48-7-D-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Yên Phú | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 41' 23" | 105° 26' 52" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Yên Thắng | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 40' 31" | 105° 25' 26" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Yên Thịnh | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 39' 50" | 105° 25' 15" | | | | | E-48-7-D-b |
| thôn Yên Xuân | DC | xã Yên Lễ | H. Như Xuân | 19° 40' 04" | 105° 24' 43" | | | | | E-48-7-D-b |
| quốc lộ 45 | KX | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b, E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 505 | KX | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-8-C-d, E-48-8-C-b |
| tiểu khu Minh Tân | DC | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | 19° 37' 46" | 105° 38' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| tiểu khu Bắc Giang | DC | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | 19° 38' 01" | 105° 39' 15" | | | | | E-48-8-C-b |
| tiểu khu Đông Hòa | DC | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | 19° 37' 21" | 105° 38' 54" | | | | | E-48-8-C-d |
| tiểu khu Hợp Nhất | DC | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | 19° 37' 33" | 105° 38' 40" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Mực | TV | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-b |
| tiểu khu Nam Giang | DC | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | 19° 37' 30" | 105° 39' 01" | | | | | E-48-8-C-d |
| tiểu khu Nam Tiến | DC | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | 19° 37' 24" | 105° 38' 43" | | | | | E-48-8-C-d |
| tiểu khu Xuân Hòa | DC | TT. Nông Cống | H. Nông Cống | 19° 37' 20" | 105° 38' 46" | | | | | E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Công Bình | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-8-C-d, E-48-20-A-a |
| khe Cổ Ngựa | TV | xã Công Bình | H. Nông Cống | | | 19° 30' 37" | 105° 36' 53" | 19° 31' 32" | 105° 40' 58" | E-48-8-C-d |
| núi Hòn Nhên | SV | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 06" | 105° 36' 57" | | | | | E-48-8-C-c |
| hồ Khe Tre | TV | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 36" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Mỹ Hưng | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 35" | 105° 38' 12" | | | | | E-48-8-C-d |
| Thôn Ná | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 29' 54" | 105° 37' 59" | | | | | E-48-20-A-b |
| thôn Ổn Lâm 1 | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 08" | 105° 37' 52" | | | | | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Ổn Lâm 2 | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 26" | 105° 37' 19" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Phú Đa | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 29" | 105° 38' 01" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Bình | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 46" | 105° 39' 18" | | | | | E-48-8-C-d |
| sông Thị Long | TV | xã Công Bình | H. Nông Cống | | | 19° 30' 13" | 105° 41' 06" | 19° 36' 29" | 105° 45' 36" | E-48-8-C-d |
| thôn Yên Hòa | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 38" | 105° 39' 45" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Yên Lai | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 41" | 105° 40' 27" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Yên Nẫm 1 | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 54" | 105° 40' 48" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Yên Nẫm 2 | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 20" | 105° 41' 02" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Yên Nẫm 3 | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 31' 09" | 105° 40' 39" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Yên Ninh | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 33" | 105° 39' 28" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Yên Phú | DC | xã Công Bình | H. Nông Cống | 19° 30' 17" | 105° 38' 32" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 327 | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 09" | 105° 39' 19" | | | | | E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Công Chính | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 512 | KX | xã Công Chính | H. Nông Cống | | | 19° 31' 58" | 105° 47' 31" | 19° 31' 32" | 105° 40' 55" | E-48-8-C-d, E-48-8-D-c |
| khe Cổ Ngựa | TV | xã Công Chính | H. Nông Cống | | | 19° 30' 37" | 105° 36' 53" | 19° 31' 32" | 105° 40' 58" | E-48-8-C-d |
| thôn Giải Trại | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 32' 15" | 105° 38' 56" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Hòa Giáo | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 32' 29" | 105° 39' 45" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Hòa Luật | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 32' 18" | 105° 39' 25" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Hòa Trung | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 59" | 105° 39' 12" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Hồng Thái | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 35" | 105° 40' 50" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Long Thắng | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 33" | 105° 39' 53" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Mỹ Tân | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 03" | 105° 39' 44" | | | | | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Mỹ Tiến | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 30' 55" | 105° 40' 00" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Rọc Năn | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 31" | 105° 39' 01" | | | | | E-48-8-C-d |
| hồ Rọc Phường | TV | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 32' 07" | 105° 40' 34" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Chính | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 32' 56" | 105° 39' 50" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Luật | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 32' 15" | 105° 40' 11" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thái Sơn 1 | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 52" | 105° 40' 06" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thái Sơn 2 | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 51" | 105° 40' 27" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thái Yên | DC | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 31' 52" | 105° 40' 26" | | | | | E-48-8-C-d |
| sông Thị Long | TV | xã Công Chính | H. Nông Cống | | | 19° 30' 13" | 105° 41' 06" | 19° 36' 29" | 105° 45' 36" | E-48-8-C-d |
| Núi Voi | SV | xã Công Chính | H. Nông Cống | 19° 32' 53" | 105° 40' 33" | | | | | E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Công Liêm | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-8-C-d |
| thôn Đoài Đạo | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 34' 20" | 105° 38' 41" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Cự Phú | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 32' 55" | 105° 38' 55" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Đồng Trung | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 06" | 105° 38' 07" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Hậu Áng | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 34' 16" | 105° 39' 17" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Hậu Sơn | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 54" | 105° 38' 50" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Lộc Tuy | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 34' 04" | 105° 39' 29" | | | | | E-48-8-C-d |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Công Liêm | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Đa | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 44" | 105° 40' 08" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Sơn | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 21" | 105° 39' 09" | | | | | E-48-8-C-d |
| Hồ Sen | TV | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 34' 06" | 105° 38' 17" | | | | | E-48-8-C-d |
| hồ Sơn Thành | TV | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 20" | 105° 38' 20" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Sơn Thành | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 34' 04" | 105° 40' 38" | | | | | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Tân Kỳ | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 16" | 105° 39' 46" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thượng Sơn | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 41" | 105° 39' 11" | | | | | E-48-8-C-d |
| Thôn Trầu | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 51" | 105° 39' 26" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Trung Sơn | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 30" | 105° 39' 07" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tuy Yên | DC | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 33' 58" | 105° 39' 33" | | | | | E-48-8-C-d |
| Núi Voi | SV | xã Công Liêm | H. Nông Cống | 19° 32' 53" | 105° 40' 33" | | | | | E-48-8-C-d |
| quốc lộ 45 | KX | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b |
| thôn Cao Hậu | DC | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 42' 12" | 105° 42' 29" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Hoàng | TV | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 39' 45" | 105° 44' 04" | E-48-8-C-b |
| thôn Kim Sơn | DC | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 43' 20" | 105° 42' 24" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Ngọc Tháp | DC | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 42' 20" | 105° 43' 06" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Hoàng | TV | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | | | 19° 54' 19" | 105° 30' 00" | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | E-48-8-C-b |
| thôn Phu Huệ | DC | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 42' 31" | 105° 42' 46" | | | | | E-48-8-C-b |
| Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Thanh Hóa | KX | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 43' 47" | 105° 42' 19" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tháp Lĩnh | DC | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 42' 13" | 105° 42' 46" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Văn Đôi | DC | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 42' 54" | 105° 42' 50" | | | | | E-48-8-C-b |
| ga Yên Thái | KX | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 43' 09" | 105° 42' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Thái | DC | xã Hoàng Giang | H. Nông Cống | 19° 43' 06" | 105° 42' 11" | | | | | E-48-8-C-b |
| quốc lộ 45 | KX | xã Hoàng Sơn | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b |
| Núi Chùa | SV | xã Hoàng Sơn | H. Nông Cống | 19° 44' 13" | 105° 40' 50" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hồi Cù | DC | xã Hoàng Sơn | H. Nông Cống | 19° 43' 01" | 105° 41' 44" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Hoàng | TV | xã Hoàng Sơn | H. Nông Cống | | | 19° 54' 19" | 105° 30' 00" | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Nham Cát | DC | xã Hoàng Sơn | H. Nông Cống | 19° 44' 33" | 105° 41' 13" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Phú Quý | DC | xã Hoàng Sơn | H. Nông Cống | 19° 42' 33" | 105° 41' 46" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thanh Liêm | DC | xã Hoàng Sơn | H. Nông Cống | 19° 42' 58" | 105° 41' 22" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Mỗ | DC | xã Hoàng Sơn | H. Nông Cống | 19° 43' 20" | 105° 41' 09" | | | | | E-48-8-C-b |
| ga Minh Khôi | KX | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 38' 02" | 105° 42' 01" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Cồn Vàng | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 38' 39" | 105° 42' 35" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Cộng Hòa | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 38' 42" | 105° 42' 15" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Mực | TV | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-b, E-48-8-C-d |
| thôn Sài Thôn | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 37' 47" | 105° 42' 27" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Hòa | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 38' 32" | 105° 41' 57" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Thắng | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 39' 10" | 105° 41' 42" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thống Nhất 1 | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 38' 19" | 105° 41' 50" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thống Nhất 2 | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 38' 04" | 105° 41' 41" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thống Nhất 3 | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 38' 15" | 105° 41' 35" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tiên Lược | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 38' 21" | 105° 42' 13" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Trường Loan | DC | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | 19° 39' 07" | 105° 42' 26" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Yên | TV | xã Minh Khôi | H. Nông Cống | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-C-b |
| thôn Bình Minh | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 38' 16" | 105° 40' 47" | | | | | E-48-8-C-b |
| Núi Chay | TV | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 39' 32" | 105° 41' 29" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Lim | TV | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | | | 19° 39' 30" | 105° 39' 50" | 19° 38' 09" | 105° 40' 12" | E-48-8-C-b |
| thôn Minh Châu | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 37' 39" | 105° 40' 41" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Minh Quang | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 37' 53" | 105° 41' 14" | | | | | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Minh Sơn | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 39' 17" | 105° 41' 25" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Minh Thành | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 38' 50" | 105° 41' 27" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Minh Tiền | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 37' 08" | 105° 40' 53" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Minh Trường | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 37' 28" | 105° 41' 10" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Minh Xuân | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 38' 57" | 105° 41' 03" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Mực | TV | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-b, E-48-8-C-d |
| thôn Thanh Bình | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 38' 13" | 105° 40' 34" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thanh Minh | DC | xã Minh Nghĩa | H. Nông Cống | 19° 38' 26" | 105° 40' 28" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Lê Xá 1 | DC | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | 19° 38' 00" | 105° 39' 30" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Lê Xá 2 | DC | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | 19° 37' 21" | 105° 40' 13" | | | | | E-48-8-C-d |
| Sông Lim | TV | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 39' 30" | 105° 39' 50" | 19° 38' 09" | 105° 40' 12" | E-48-8-C-b |
| Hồ Mơ | TV | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | 19° 39' 46" | 105° 38' 46" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| kênh N8 | TV | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 45' 25" | 105° 37' 55" | 19° 36' 48" | 105° 39' 20" | E-48-8-C-b |
| thôn Tập Cát 2 | DC | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | 19° 38' 17" | 105° 38' 54" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tập Cát 3 | DC | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | 19° 38' 05" | 105° 38' 52" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thái Hòa 1 | DC | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | 19° 38' 46" | 105° 39' 36" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thái Hòa 2 | DC | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | 19° 38' 35" | 105° 39' 28" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Vũ Yên 2 | DC | xã Minh Thọ | H. Nông Cống | 19° 38' 56" | 105° 39' 00" | | | | | E-48-8-C-b |
| đường tỉnh 506 | KX | xã Tân Khang | H. Nông Cống | | | 19° 42' 19" | 105° 41' 04" | 19° 54' 50" | 105° 24' 40" | E-48-8-C-b |
| chùa Am Tiên | KX | xã Tân Khang | H. Nông Cống | 19° 42' 49" | 105° 37' 15" | | | | | E-48-8-C-a |
| kênh N8 | TV | xã Tân Khang | H. Nông Cống | | | 19° 45' 25" | 105° 37' 55" | 19° 36' 48" | 105° 39' 20" | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Kênh Nam | TV | xã Tân Khang | H. Nông Cống | | | 19° 54' 41" | 105° 32' 31" | 19° 40' 11" | 105° 42' 52" | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Tân Khang | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| Núi Nưa | SV | xã Tân Khang | H. Nông Cống | 19° 41' 44" | 105° 38' 17" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Ấp | DC | xã Tân Khang | H. Nông Cống | 19° 42' 26" | 105° 38' 42" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Cầu | DC | xã Tân Khang | H. Nông Cống | 19° 44' 08" | 105° 39' 24" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Lai | DC | xã Tân Khang | H. Nông Cống | 19° 43' 34" | 105° 39' 17" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Sơn | DC | xã Tân Khang | H. Nông Cống | 19° 43' 04" | 105° 39' 30" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Thịnh | DC | xã Tân Khang | H. Nông Cống | 19° 43' 25" | 105° 38' 34" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 1 | DC | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 43' 33" | 105° 40' 42" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 2 | DC | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 43' 42" | 105° 40' 38" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 3 | DC | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 43' 51" | 105° 40' 30" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 4 | DC | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 44' 13" | 105° 40' 11" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 5 | DC | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 44' 16" | 105° 39' 53" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 6 | DC | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 44' 26" | 105° 39' 57" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 7 | DC | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 44' 33" | 105° 39' 38" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 8 | DC | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 45' 08" | 105° 39' 49" | | | | | E-48-8-A-d |
| Núi Chùa | SV | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 44' 13" | 105° 40' 50" | | | | | E-48-8-C-b |
| Kênh Nam | TV | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | | | 19° 54' 41" | 105° 32' 31" | 19° 40' 11" | 105° 42' 52" | E-48-8-C-b |
| sông Nhà Lê | TV | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | | | 19° 54' 19" | 105° 30' 00" | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | E-48-8-C-b, E-48-8-A-d |
| núi Vụng Lạt | SV | xã Tân Phúc | H. Nông Cống | 19° 44' 31" | 105° 40' 31" | | | | | E-48-8-C-b |
| đường tỉnh 506 | KX | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 42' 19" | 105° 41' 04" | 19° 54' 50" | 105° 24' 40" | E-48-8-C-b |
| thôn Mỹ Phong | DC | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | 19° 44' 08" | 105° 39' 10" | | | | | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| kênh N8 | TV | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 45' 25" | 105° 37' 55" | 19° 36' 48" | 105° 39' 20" | E-48-8-C-b |
| Kênh Nam | TV | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 54' 41" | 105° 32' 31" | 19° 40' 11" | 105° 42' 52" | E-48-8-C-b |
| sông Nhà Lê | TV | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| thôn Phú Ninh | DC | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | 19° 44' 15" | 105° 38' 52" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Quý Phong | DC | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | 19° 44' 22" | 105° 38' 59" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Ấp | DC | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | 19° 42' 53" | 105° 38' 25" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thanh Y | DC | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | 19° 44' 13" | 105° 38' 54" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thọ Bình | DC | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | 19° 44' 24" | 105° 38' 39" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Vinh Quang | DC | xã Tân Thọ | H. Nông Cống | 19° 44' 07" | 105° 38' 52" | | | | | E-48-8-C-b |
| quốc lộ 45 | KX | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b |
| thôn Cương Quyết | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 40' 23" | 105° 40' 57" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Cương Thắng | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 40' 19" | 105° 41' 16" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Cương Thịnh | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 39' 51" | 105° 41' 07" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Cương Tiến | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 40' 26" | 105° 41' 13" | | | | | E-48-8-C-b |
| núi Hạ Sơn | SV | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 41' 20" | 105° 38' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hữu Cần | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 40' 01" | 105° 40' 29" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hữu Chính | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 40' 18" | 105° 40' 51" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hữu Kiệm | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 40' 10" | 105° 40' 29" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hữu Liêm | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 40' 12" | 105° 40' 44" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Lim | TV | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | | | 19° 39' 30" | 105° 39' 50" | 19° 38' 09" | 105° 40' 12" | E-48-8-C-b |
| Hồ Mơ | TV | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 39' 46" | 105° 38' 46" | | | | | E-48-8-C-b |
| kênh N8 | TV | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | | | 19° 45' 25" | 105° 37' 55" | 19° 36' 48" | 105° 39' 20" | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Trại giam Thanh Phong | KX | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 40' 03" | 105° 39' 14" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Trường Thọ | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 39' 22" | 105° 40' 14" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Bái | DC | xã Tế Lợi | H. Nông Cống | 19° 39' 55" | 105° 40' 06" | | | | | E-48-8-C-b |
| làng Châu Sơn | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 32" | 105° 42' 12" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Châu Sơn 5 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 20" | 105° 42' 35" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Châu Sơn 6 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 24" | 105° 42' 10" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Châu Sơn 7 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 29" | 105° 41' 37" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hà Khẩu 4 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 40' 13" | 105° 42' 15" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Hoàng | TV | xã Tế Nông | H. Nông Cống | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 39' 45" | 105° 44' 04" | E-48-8-C-b |
| thôn Minh Nông 1 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 34" | 105° 42' 41" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Minh Nông 2 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 50" | 105° 42' 40" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Tế Nông | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| thôn Phòng Không 11 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 40' 05" | 105° 41' 53" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Quan Hoạch 3 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 49" | 105° 42' 25" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tế Độ 1 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 59" | 105° 43' 41" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tế Độ 2 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 40' 03" | 105° 43' 31" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tế Độ 3 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 40' 05" | 105° 43' 16" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tế Độ 4 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 54" | 105° 43' 00" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thịnh Lạc 8 | DC | xã Tế Nông | H. Nông Cống | 19° 39' 50" | 105° 41' 37" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 1 | DC | xã Tế Tân | H. Nông Cống | 19° 40' 59" | 105° 41' 39" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 2 | DC | xã Tế Tân | H. Nông Cống | 19° 40' 54" | 105° 41' 46" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 3 | DC | xã Tế Tân | H. Nông Cống | 19° 40' 48" | 105° 42' 14" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 4 | DC | xã Tế Tân | H. Nông Cống | 19° 40' 15" | 105° 42' 37" | | | | | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 5 | DC | xã Tế Tân | H. Nông Cống | 19° 40' 26" | 105° 42' 55" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 6 | DC | xã Tế Tân | H. Nông Cống | 19° 40' 41" | 105° 42' 53" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 7 | DC | xã Tế Tân | H. Nông Cống | 19° 41' 19" | 105° 42' 31" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 8 | DC | xã Tế Tân | H. Nông Cống | 19° 41' 45" | 105° 42' 17" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Hoàng | TV | xã Tế Tân | H. Nông Cống | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 39' 45" | 105° 44' 04" | E-48-8-C-b |
| Kênh Nam | TV | xã Tế Tân | H. Nông Cống | | | 19° 54' 41" | 105° 32' 31" | 19° 40' 11" | 105° 42' 52" | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Tế Tân | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| quốc lộ 45 | KX | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b |
| thôn Đại Đồng A | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 40' 59" | 105° 41' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Đại Đồng B | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 41' 10" | 105° 40' 54" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Đậu Yên | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 40' 27" | 105° 40' 13" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Giá Mai A | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 40' 38" | 105° 40' 18" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Giá Mai B | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 40' 51" | 105° 40' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| núi Hạ Sơn | SV | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 41' 20" | 105° 38' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| kênh N8 | TV | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | | | 19° 45' 25" | 105° 37' 55" | 19° 36' 48" | 105° 39' 20" | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| thôn Quả Cảm | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 40' 44" | 105° 41' 42" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thổ Bắc | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 41' 00" | 105° 40' 26" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thổ Nam | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 41' 13" | 105° 40' 18" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thổ Tân | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 41' 19" | 105° 39' 44" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thổ Trung | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 41' 07" | 105° 40' 24" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thổ Vị | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 41' 07" | 105° 40' 24" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Cách | DC | xã Tế Thắng | H. Nông Cống | 19° 41' 18" | 105° 41' 28" | | | | | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Lai Phục | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 56" | 105° 41' 23" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Lý Bắc | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 28" | 105° 41' 11" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Lý Đông | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 02" | 105° 41' 47" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Lý Nam | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 24" | 105° 41' 33" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Lý Tây | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 15" | 105° 41' 41" | | | | | E-48-8-C-d |
| Sông Mực | TV | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-d |
| thôn Mỹ Trí | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 36' 30" | 105° 40' 45" | | | | | E-48-8-C-d |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-d |
| thôn Ngọ Hạ | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 22" | 105° 40' 55" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Ngọ Thượng | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 34' 48" | 105° 40' 55" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Ngọ Trung | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 02" | 105° 41' 01" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Quần Bối | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 22" | 105° 40' 25" | | | | | E-48-8-C-d |
| Núi Sẻ | SV | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 00" | 105° 41' 32" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tây Giang | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 36' 16" | 105° 40' 50" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thái Giai | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 36' 15" | 105° 41' 07" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thái Sơn | DC | xã Thăng Bình | H. Nông Cống | 19° 35' 33" | 105° 40' 53" | | | | | E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Thăng Long | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-8-C-d |
| thôn Ân Phú | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 36' 15" | 105° 37' 52" | | | | | E-48-8-C-d |
| xóm Cầu Chậm | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 36' 03" | 105° 38' 14" | | | | | E-48-8-C-d |
| Suối Chậm | TV | xã Thăng Long | H. Nông Cống | | | 19° 34' 53" | 105° 37' 11" | 19° 36' 18" | 105° 40' 05" | E-48-8-C-d |
| hồ Cổ Cò | TV | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 34' 06" | 105° 38' 17" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Đại Bản | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 36' 33" | 105° 39' 10" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Mỹ Quang | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 34' 30" | 105° 37' 43" | | | | | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Thăng Long | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-c, E-48-8-C-d |
| thôn Ngọc Chẩm | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 35' 29" | 105° 38' 39" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Ngư Thôn | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 36' 27" | 105° 38' 41" | | | | | E-48-8-C-d |
| Thôn Ốc | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 35' 57" | 105° 39' 00" | | | | | E-48-8-C-d |
| Núi Rỏn | SV | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 36' 38" | 105° 39' 25" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Đại | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 35' 12" | 105° 37' 38" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Giao | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 35' 50" | 105° 37' 48" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Vinh | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 36' 12" | 105° 37' 22" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Thập Lý | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 35' 47" | 105° 37' 22" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Vạn Thành | DC | xã Thăng Long | H. Nông Cống | 19° 34' 51" | 105° 37' 59" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 1 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 34' 59" | 105° 38' 41" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 2 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 35' 05" | 105° 38' 50" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 3 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 35' 01" | 105° 38' 58" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 4 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 34' 55" | 105° 39' 09" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 5 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 34' 59" | 105° 39' 18" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 6 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 35' 07" | 105° 39' 14" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 7 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 35' 11" | 105° 39' 22" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 8 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 35' 22" | 105° 39' 22" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 9 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 35' 13" | 105° 39' 27" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 10 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 35' 04" | 105° 39' 36" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 11 | DC | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | 19° 34' 35" | 105° 39' 25" | | | | | E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-8-C-d |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Thăng Thọ | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 1 | DC | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 37" | 105° 39' 40" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 2 | DC | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 45" | 105° 39' 44" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 3 | DC | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 39" | 105° 39' 46" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 4 | DC | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 31" | 105° 40' 09" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 5 | DC | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 40" | 105° 40' 30" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 6 | DC | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 40" | 105° 40' 41" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 7 | DC | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 24" | 105° 41' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 8 | DC | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 45" | 105° 40' 53" | | | | | E-48-8-C-b |
| quốc lộ 45 | KX | xã Trung Chính | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b |
| đường tỉnh 506 | KX | xã Trung Chính | H. Nông Cống | | | 19° 42' 19" | 105° 41' 04" | 19° 54' 50" | 105° 24' 40" | E-48-8-C-b |
| kênh N8 | TV | xã Trung Chính | H. Nông Cống | | | 19° 45' 25" | 105° 37' 55" | 19° 36' 48" | 105° 39' 20" | E-48-8-C-b |
| Kênh Nam | TV | xã Trung Chính | H. Nông Cống | | | 19° 54' 41" | 105° 32' 31" | 19° 40' 11" | 105° 42' 52" | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Trung Chính | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| Cầu Quan | KX | xã Trung Chính | H. Nông Cống | 19° 42' 19" | 105° 41' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| quốc lộ 45 | KX | xã Trung Thành | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b |
| thôn Côn Sơn | DC | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 42' 29" | 105° 40' 39" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Đông Yên | DC | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 42' 17" | 105° 38' 59" | | | | | E-48-8-C-b |
| núi Hạ Sơn | SV | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 41' 20" | 105° 38' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Lương Mộng | DC | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 42' 04" | 105° 39' 44" | | | | | E-48-8-C-b |
| kênh N8 | TV | xã Trung Thành | H. Nông Cống | | | 19° 45' 25" | 105° 37' 55" | 19° 36' 48" | 105° 39' 20" | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Trung Thành | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| Núi Nưa | SV | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 41' 44" | 105° 38' 17" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Phú Mỹ | DC | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 41' 44" | 105° 40' 06" | | | | | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Cầu Quan | KX | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 42' 19" | 105° 41' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Dân | DC | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 41' 47" | 105° 39' 27" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Quả 1 | DC | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 41' 57" | 105° 40' 42" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Quả 2 | DC | xã Trung Thành | H. Nông Cống | 19° 42' 15" | 105° 40' 48" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 1 | DC | xã Trung Ý | H. Nông Cống | 19° 41' 39" | 105° 41' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 2 | DC | xã Trung Ý | H. Nông Cống | 19° 41' 48" | 105° 41' 13" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 3 | DC | xã Trung Ý | H. Nông Cống | 19° 41' 37" | 105° 41' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 4 | DC | xã Trung Ý | H. Nông Cống | 19° 41' 37" | 105° 41' 11" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 5 | DC | xã Trung Ý | H. Nông Cống | 19° 41' 23" | 105° 41' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 6 | DC | xã Trung Ý | H. Nông Cống | 19° 41' 29" | 105° 41' 16" | | | | | E-48-8-C-b |
| Kênh Nam | TV | xã Trung Ý | H. Nông Cống | | | 19° 54' 41" | 105° 32' 31" | 19° 40' 11" | 105° 42' 52" | E-48-8-C-b |
| Sông Nhơm | TV | xã Trung Ý | H. Nông Cống | | | 19° 48' 39" | 105° 31' 13" | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | E-48-8-C-b |
| thôn 1 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 36' 34" | 105° 45' 13" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn 2 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 36' 48" | 105° 45' 05" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn 3 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 36' 48" | 105° 44' 48" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 4 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 36' 52" | 105° 44' 33" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 5 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 37' 10" | 105° 44' 43" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 6 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 36' 56" | 105° 44' 40" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 7 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 36' 37" | 105° 45' 16" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn 8 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 37' 02" | 105° 44' 34" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn 9 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 37' 58" | 105° 45' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 10 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 37' 45" | 105° 45' 13" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 11 | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 37' 40" | 105° 46' 01" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Hoàng | TV | xã Trường Giang | H. Nông Cống | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 36' 31" | 105° 46' 34" | E-48-8-D-a |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Trường Giang | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-D-c, E-48-8-C-d |
| sông Thị Long | TV | xã Trường Giang | H. Nông Cống | | | 19° 30' 13" | 105° 41' 06" | 19° 36' 29" | 105° 45' 36" | E-48-8-D-c, E-48-8-C-d |
| làng Tuy Hòa | DC | xã Trường Giang | H. Nông Cống | 19° 36' 37" | 105° 45' 16" | | | | | E-48-8-C-d |
| Sông Yên | TV | xã Trường Giang | H. Nông Cống | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-D-c, E-48-8-C-b, E-48-8-D-a |
| thôn Đổi Thôn | DC | xã Trường Minh | H. Nông Cống | 19° 36' 45" | 105° 42' 13" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Minh Côi | DC | xã Trường Minh | H. Nông Cống | 19° 37' 10" | 105° 42' 47" | | | | | E-48-8-C-d |
| Sông Mực | TV | xã Trường Minh | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-d, E-48-8-C-b |
| thôn Phú Đặng | DC | xã Trường Minh | H. Nông Cống | 19° 36' 14" | 105° 42' 15" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Nẫm | DC | xã Trường Minh | H. Nông Cống | 19° 36' 42" | 105° 41' 28" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Viên | DC | xã Trường Minh | H. Nông Cống | 19° 36' 38" | 105° 42' 48" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thạch Lãng | DC | xã Trường Minh | H. Nông Cống | 19° 36' 58" | 105° 41' 23" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Trường Đổi | DC | xã Trường Minh | H. Nông Cống | 19° 37' 00" | 105° 41' 58" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Trường Phúc | DC | xã Trường Minh | H. Nông Cống | 19° 37' 09" | 105° 41' 38" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Bất Nộ | DC | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | 19° 37' 05" | 105° 43' 07" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Kim Phú | DC | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | 19° 36' 29" | 105° 43' 31" | | | | | E-48-8-C-d |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-d |
| thôn Phúc Thọ | DC | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | 19° 36' 20" | 105° 44' 03" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thành Liên | DC | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | 19° 37' 01" | 105° 44' 03" | | | | | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Thọ Tiên | DC | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | 19° 36' 28" | 105° 43' 48" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Trung Yên | DC | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | 19° 36' 47" | 105° 43' 58" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Văn Độ | DC | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | 19° 36' 24" | 105° 43' 04" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Yên Minh | DC | xã Trường Sơn | H. Nông Cống | 19° 36' 31" | 105° 44' 12" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Đông Xuân | DC | xã Trường Trung | H. Nông Cống | 19° 37' 32" | 105° 43' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Mực | TV | xã Trường Trung | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-b, E-48-8-C-d |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Trường Trung | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-d |
| thôn Phượng Đoài | DC | xã Trường Trung | H. Nông Cống | 19° 37' 26" | 105° 43' 06" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tín Bản | DC | xã Trường Trung | H. Nông Cống | 19° 37' 38" | 105° 44' 30" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Trung Liệt | DC | xã Trường Trung | H. Nông Cống | 19° 37' 42" | 105° 44' 14" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Yên | TV | xã Trường Trung | H. Nông Cống | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-C-b, E-48-8-D-a |
| thôn Yên Lăng | DC | xã Trường Trung | H. Nông Cống | 19° 37' 46" | 105° 44' 33" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hoàng Lâm | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 34' 09" | 105° 41' 48" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Long Vực | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 34' 45" | 105° 43' 11" | | | | | E-48-8-C-d |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-d |
| thôn Nga Thượng | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 34' 48" | 105° 42' 32" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Nhuyễn Sơn | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 34' 24" | 105° 42' 06" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Long | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 35' 40" | 105° 42' 36" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Sơn | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 34' 52" | 105° 42' 06" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Quang Vinh | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 34' 13" | 105° 43' 00" | | | | | E-48-8-C-d |
| Núi Sẻ | SV | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 35' 00" | 105° 41' 32" | | | | | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| sông Thị Long | TV | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | | | 19° 30' 13" | 105° 41' 06" | 19° 36' 29" | 105° 45' 36" | E-48-8-C-d |
| thôn Thọ Nga | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 35' 05" | 105° 42' 58" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Vĩnh Lại | DC | xã Tượng Lĩnh | H. Nông Cống | 19° 34' 33" | 105° 43' 19" | | | | | E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 512 | KX | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | | | 19° 31' 58" | 105° 47' 31" | 19° 31' 32" | 105° 40' 56" | E-48-8-C-d |
| thôn Sơn Long | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 32' 08" | 105° 42' 20" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Bồng Sơn | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 32' 25" | 105° 42' 51" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Cát Lễ | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 22" | 105° 42' 05" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Cát Sơn | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 32' 54" | 105° 42' 25" | | | | | E-48-8-C-d |
| hồ Đầm Húng | TV | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 51" | 105° 41' 42" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Đức Minh | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 34' 00" | 105° 42' 05" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Kén Thôn | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 44" | 105° 43' 01" | | | | | E-48-8-C-d |
| hồ Khe Ba | TV | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 00" | 105° 41' 53" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Triều | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 55" | 105° 42' 26" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Sơn | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 22" | 105° 41' 45" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thái Tượng | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 32' 42" | 105° 42' 18" | | | | | E-48-8-C-d |
| cầu Thị Long | KX | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 31' 58" | 105° 42' 31" | | | | | E-48-8-C-d |
| ga Thị Long | KX | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 32' 37" | 105° 42' 30" | | | | | E-48-8-C-d |
| sông Thị Long | TV | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | | | 19° 30' 13" | 105° 41' 06" | 19° 36' 29" | 105° 45' 36" | E-48-8-C-d |
| thôn Thị Long | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 32' 35" | 105° 41' 57" | | | | | E-48-8-C-d |
| núi Thiên Thân | SV | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 42" | 105° 42' 05" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Trúc Thịnh | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 47" | 105° 41' 19" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Vân Thạch | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 39" | 105° 42' 20" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Vinh Sơn | DC | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 33' 06" | 105° 42' 09" | | | | | E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Voi | SV | xã Tượng Sơn | H. Nông Cống | 19° 32' 53" | 105° 40' 33" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Đa Tiền | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 27" | 105° 43' 16" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Hùng Sơn | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 34' 28" | 105° 44' 12" | | | | | E-48-8-C-d |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Bắc | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 36' 00" | 105° 43' 21" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Đông | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 38" | 105° 43' 27" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Nam | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 32" | 105° 43' 23" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Tây | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 46" | 105° 42' 51" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Thứ | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 57" | 105° 44' 00" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Phú Trung | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 39" | 105° 43' 18" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Quỳnh Tiến | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 31" | 105° 43' 54" | | | | | E-48-8-C-d |
| sông Thị Long | TV | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | | | 19° 30' 13" | 105° 41' 06" | 19° 36' 29" | 105° 45' 36" | E-48-8-C-d |
| thôn Thọ Tiến | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 22" | 105° 44' 19" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thọ Xương | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 32" | 105° 44' 39" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Trí Phú | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 21" | 105° 43' 57" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Trúc Đại | DC | xã Tượng Văn | H. Nông Cống | 19° 35' 03" | 105° 44' 05" | | | | | E-48-8-C-d |
| quốc lộ 45 | KX | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-8-C-d |
| kênh Bắc Sông Mực | TV | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | | | 19° 37' 43" | 105° 35' 56" | 19° 50' 59" | 105° 36' 24" | E-48-8-C-a, |
| thôn Bái Đa | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 37' 52" | 105° 38' 36" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Cẩm Bào | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 10" | 105° 37' 57" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Cẩm Phúc | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 28" | 105° 37' 44" | | | | | E-48-8-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Đồng Lương | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 17" | 105° 38' 14" | | | | | E-48-8-C-b |
| hồ Đồng Thọ | TV | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 37' 29" | 105° 38' 10" | | | | | E-48-8-C-d, E-48-8-C-b |
| thôn Đồng Thọ | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 37' 41" | 105° 37' 55" | | | | | E-48-8-C-b |
| Núi Lùng | SV | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 37' 01" | 105° 37' 36" | | | | | E-48-8-C-c |
| Núi Mét | SV | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 18" | 105° 37' 17" | | | | | E-48-8-C-a |
| Sông Mực | TV | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-a, E-48-8-C-b |
| Núi Muôn | SV | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 47" | 105° 37' 45" | | | | | E-48-8-C-b |
| Núi Ná | SV | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 37" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Ngọc Bản | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 31" | 105° 38' 37" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Quyết Chiến | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 09" | 105° 37' 38" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thanh Ban | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 37' 38" | 105° 38' 33" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thanh Điền | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 36" | 105° 38' 43" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thiện Na | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 04" | 105° 37' 58" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thọ Sơn | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 37' 22" | 105° 38' 12" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tùng Thiện | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 38' 13" | 105° 38' 39" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Vạn Trạch | DC | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | 19° 36' 54" | 105° 38' 19" | | | | | E-48-8-C-d |
| Suối Vắt | TV | xã Vạn Hòa | H. Nông Cống | | | 19° 40' 01" | 105° 37' 08" | 19° 38' 49" | 105° 38' 42" | E-48-8-C-b |
| quốc lộ 45 | KX | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-a, E-48-8-C-b |
| kênh Bắc Sông Mực | TV | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | | | 19° 37' 43" | 105° 35' 56" | 19° 50' 59" | 105° 36' 24" | E-48-8-C-a |
| thôn Ban Thọ | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 34" | 105° 36' 32" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Đông Hoa | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 56" | 105° 35' 46" | | | | | E-48-8-C-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Đông Tài | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 50" | 105° 36' 14" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Giản Hiền | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 43" | 105° 37' 07" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Lăng Thôn | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 06" | 105° 36' 34" | | | | | E-48-8-C-c |
| Núi Lùng | SV | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 01" | 105° 37' 36" | | | | | E-48-8-C-c |
| Núi Mét | SV | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 38' 18" | 105° 37' 17" | | | | | E-48-8-C-a |
| Sông Mực | TV | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-a, E-48-8-C-b |
| Núi Ná | SV | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 38' 37" | 105° 36' 43" | | | | | E-48-8-C-a |
| kênh Nam Sông Mực | TV | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | | | 19° 37' 52" | 105° 33' 46" | 19° 35' 38" | 105° 37' 46" | E-48-8-C-c, E-48-8-C-a |
| thôn Nhuệ Thôn | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 38' 02" | 105° 37' 05" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Phố Mới | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 39" | 105° 36' 42" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Quỳ Thắng | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 36' 42" | 105° 36' 17" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Quyết Thắng | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 44" | 105° 37' 24" | | | | | E-48-8-C-a |
| thôn Sinh Tân | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 37' 11" | 105° 37' 03" | | | | | E-48-8-C-c |
| thôn Tân Đạo | DC | xã Vạn Thắng | H. Nông Cống | 19° 36' 55" | 105° 37' 23" | | | | | E-48-8-C-c |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-8-C-d |
| thôn Cao Nhuận | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 37' 43" | 105° 39' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| Suối Chậm | TV | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | | | 19° 34' 53" | 105° 37' 12" | 19° 36' 18" | 105° 40' 05" | E-48-8-C-d |
| thôn Cộng Hòa | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 36' 56" | 105° 39' 00" | | | | | E-48-8-C-d |
| Xóm Giữa | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 37' 12" | 105° 40' 18" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Liên Minh | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 37' 58" | 105° 40' 32" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Mực | TV | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | | | 19° 37' 55" | 105° 33' 45" | 19° 38' 41" | 105° 42' 58" | E-48-8-C-b, E-48-8-C-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| kênh N8 | TV | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | | | 19° 45' 25" | 105° 37' 55" | 19° 36' 48" | 105° 39' 20" | E-48-8-C-b, E-48-8-C-d |
| Núi Nhến | SV | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 36' 54" | 105° 38' 42" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Quyết Thanh 1 | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 37' 37" | 105° 39' 14" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Quyết Thanh 2 | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 37' 37" | 105° 39' 33" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Tân Lập | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 36' 48" | 105° 39' 45" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Tân Trù | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 37' 09" | 105° 40' 07" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Thiện Sơn | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 36' 50" | 105° 38' 26" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Xóm Chuyền | DC | xã Vạn Thiện | H. Nông Cống | 19° 37' 22" | 105° 40' 23" | | | | | E-48-8-C-d |
| đường tỉnh 505 | KX | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | | | 19° 37' 31" | 105° 38' 49" | 19° 28' 30" | 105° 36' 04" | E-48-20-A-b, E-48-8-C-d, E-48-8-C-d |
| hồ Bòng Bòng | TV | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | 19° 29' 51" | 105° 40' 44" | | | | | E-48-20-A-b, E-48-8-C-d |
| thôn Lâm Hòa | DC | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | 19° 29' 35" | 105° 37' 00" | | | | | E-48-20-A-a |
| thôn Mỹ Phong | DC | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | 19° 30' 14" | 105° 40' 20" | | | | | E-48-8-C-d |
| thôn Sơn Đồng | DC | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | 19° 29' 43" | 105° 38' 01" | | | | | E-48-20-A-b |
| thôn Trung Phú | DC | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | 19° 29' 39" | 105° 39' 13" | | | | | E-48-20-A-b |
| thôn Trung Tâm | DC | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | 19° 29' 53" | 105° 39' 59" | | | | | E-48-20-A-b |
| thôn Xuân Thịnh | DC | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | 19° 30' 22" | 105° 39' 46" | | | | | E-48-8-C-d |
| hồ Yên Mỹ | TV | xã Yên Mỹ | H. Nông Cống | 19° 29' 02" | 105° 38' 46" | | | | | E-48-20-A-a, E-48-20-A-b |
| quốc lộ 1A | KX | TT. Quảng Xương | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-a |
| khu phố 1 | DC | TT. Quảng Xương | H. Quảng Xương | 19° 43' 44" | 105° 46' 47" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| khu phố 2 | DC | TT. Quảng Xương | H. Quảng Xương | 19° 44' 13" | 105° 46' 52" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đắc Tú | DC | TT. Quảng Xương | H. Quảng Xương | 19° 44' 14" | 105° 46' 43" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đông Đa | DC | TT. Quảng Xương | H. Quảng Xương | 19° 43' 50" | 105° 47' 06" | | | | | E-48-8-D-a |
| khu phố Tân Phong | DC | TT. Quảng Xương | H. Quảng Xương | 19° 43' 53" | 105° 46' 52" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Thượng | DC | TT. Quảng Xương | H. Quảng Xương | 19° 43' 58" | 105° 46' 45" | | | | | E-48-8-D-a |
| quốc lộ 1A | KX | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 41' 08" | 105° 47' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 40' 56" | 105° 46' 48" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 40' 33" | 105° 47' 24" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 40' 24" | 105° 47' 20" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 40' 16" | 105° 47' 33" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 40' 05" | 105° 47' 30" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 41' 11" | 105° 47' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 41' 15" | 105° 47' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 41' 20" | 105° 47' 05" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| làng Ngưu Trung | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 40' 24" | 105° 47' 20" | | | | | E-48-8-D-a |
| làng Trần Cầu | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 41' 02" | 105° 46' 55" | | | | | E-48-8-D-a |
| làng Xa Thư | DC | xã Quảng Bình | H. Quảng Xương | 19° 41' 15" | 105° 47' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| quốc lộ 47 | KX | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 00" | 105° 53' 56" | 19° 53' 36" | 105° 24' 14" | E-48-8-D-a, E-48-8-D-b |
| đền thờ An Dương Vương | KX | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 44' 53" | 105° 52' 34" | | | | | E-48-8-D-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| cầu Bình Hòa | KX | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 44' 36" | 105° 52' 48" | | | | | E-48-8-D-b |
| thôn Châu An | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 44' 55" | 105° 52' 19" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Châu Bình | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 44' 50" | 105° 52' 11" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Châu Chính | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 11" | 105° 52' 26" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Châu Giang | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 46' 04" | 105° 52' 59" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Châu Lộc | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 46' 03" | 105° 52' 41" | | | | | E-48-8-B-d |
| thôn Châu Thành | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 44' 55" | 105° 52' 34" | | | | | E-48-8-D-b |
| Sông Đơ | TV | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | | | 19° 46' 20" | 105° 53' 20" | 19° 43' 37" | 105° 52' 37" | E-48-8-B-d, E-48-8-B-c |
| làng Kiều Đại | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 34" | 105° 52' 12" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Kiều Đại 1 | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 22" | 105° 52' 14" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Kiều Đại 2 | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 34" | 105° 52' 12" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Kiều Đại 3 | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 48" | 105° 52' 06" | | | | | E-48-8-B-c |
| Sông Mã | TV | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | | | 20° 32' 02" | 104° 29' 13" | 19° 47' 08" | 105° 55' 37" | E-48-8-B-d, E-48-8-B-c |
| sông Thống Nhất | TV | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | | | 19° 47' 53" | 105° 47' 13" | 19° 46' 18" | 105° 53' 02" | E-48-8-B-d, E-48-8-B-c |
| làng Xuân Phương | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 30" | 105° 52' 30" | | | | | E-48-8-B-d |
| thôn Xuân Phương 1 | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 25" | 105° 52' 31" | | | | | E-48-8-B-d |
| thôn Xuân Phương 2 | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 30" | 105° 52' 30" | | | | | E-48-8-B-d |
| thôn Xuân Phương 3 | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 37" | 105° 52' 27" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Yên Trạch | DC | xã Quảng Châu | H. Quảng Xương | 19° 45' 26" | 105° 52' 37" | | | | | E-48-8-B-d |
| quốc lộ 1A | KX | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-c, E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Chính Đa | DC | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | 19° 36' 52" | 105° 47' 31" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Đại Đồng | DC | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | 19° 37' 20" | 105° 47' 17" | | | | | E-48-8-D-c |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 36' 31" | 105° 46' 34" | E-48-8-D-a, E-48-8-D-c |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| thôn Ngọc Diêm 1 | DC | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | 19° 37' 39" | 105° 47' 49" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Ngọc Diêm 2 | DC | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | 19° 37' 18" | 105° 47' 56" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Phú Lương | DC | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | 19° 37' 36" | 105° 47' 28" | | | | | E-48-8-D-a |
| cầu Sông Lý | KX | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | 19° 38' 09" | 105° 47' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thanh Xuân | DC | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | 19° 37' 10" | 105° 47' 38" | | | | | E-48-8-D-c |
| Sông Yên | TV | xã Quảng Chính | H. Quảng Xương | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-D-c |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 51" | 105° 50' 22" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 34" | 105° 50' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 39" | 105° 50' 24" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 28" | 105° 50' 22" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 37" | 105° 50' 35" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 24" | 105° 50' 31" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 26" | 105° 50' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 24" | 105° 51' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Đại | H. Quảng Xương | 19° 42' 15" | 105° 50' 53" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 07" | 105° 48' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 16" | 105° 47' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 21" | 105° 48' 00" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 26" | 105° 48' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 28" | 105° 47' 58" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 32" | 105° 48' 04" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 35" | 105° 47' 57" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 41" | 105° 48' 04" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 45' 08" | 105° 48' 04" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn 10 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 57" | 105° 48' 02" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 11 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 45' 04" | 105° 47' 49" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn 12 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 38" | 105° 48' 40" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 13 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 33" | 105° 48' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 14 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 44' 43" | 105° 49' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 15 | DC | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | 19° 45' 23" | 105° 47' 32" | | | | | E-48-8-B-c |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Định | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-B-c, E-48-8-D-a |
| thôn An Toàn | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 49" | 105° 47' 38" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đức Cao | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 35" | 105° 48' 32" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đức Sơn | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 47" | 105° 48' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đức Thắng | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 42' 49" | 105° 48' 36" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đức Thành | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 30" | 105° 48' 04" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đức Trang | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 18" | 105° 47' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đức Trung | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 14" | 105° 48' 25" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Phú Đa 1 | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 16" | 105° 47' 31" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Phú Đa 2 | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 18" | 105° 47' 56" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Phú Đa 3 | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 42' 58" | 105° 47' 49" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Quang Tiền | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 25" | 105° 47' 38" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tiền Thịnh 15 | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 57" | 105° 47' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tiền Thịnh 8 | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 52" | 105° 47' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tiền Thịnh 9 | DC | xã Quảng Đức | H. Quảng Xương | 19° 43' 46" | 105° 47' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 43' 18" | 105° 50' 13" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 43' 13" | 105° 50' 08" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 43' 05" | 105° 50' 02" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 43' 13" | 105° 49' 52" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 42' 59" | 105° 49' 59" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 42' 57" | 105° 49' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 42' 50" | 105° 49' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 42' 41" | 105° 49' 37" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 42' 30" | 105° 49' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| đường tỉnh 511 | KX | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | | | 19° 45' 15" | 105° 50' 20" | 19° 38' 43" | 105° 47' 49" | E-48-8-D-a |
| làng Bùi Tây | DC | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | 19° 42' 59" | 105° 49' 12" | | | | | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Giao | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 42' 05" | 105° 50' 24" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 42' 16" | 105° 50' 13" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 42' 23" | 105° 50' 06" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 42' 09" | 105° 49' 59" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 41' 55" | 105° 49' 52" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 41' 45" | 105° 49' 52" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 41' 34" | 105° 49' 59" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 41' 30" | 105° 50' 28" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 41' 52" | 105° 50' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 10 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 42' 03" | 105° 50' 49" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 11 | DC | xã Quảng Hải | H. Quảng Xương | 19° 41' 49" | 105° 50' 06" | | | | | E-48-8-D-a |
| kênh B22 | TV | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 12" | 105° 44' 49" | 19° 38' 56" | 105° 46' 37" | E-48-8-C-b |
| thôn Hòa Đạt | DC | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | 19° 42' 47" | 105° 44' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hòa Đông | DC | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | 19° 42' 41" | 105° 45' 07" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hòa Thành | DC | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | 19° 42' 09" | 105° 44' 35" | | | | | E-48-8-C-b |
| cầu Hòa Triều | KX | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | 19° 43' 25" | 105° 45' 25" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hòa Triều | DC | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | 19° 43' 32" | 105° 45' 25" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hòa Trinh | DC | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | 19° 42' 57" | 105° 45' 11" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hòa Văn | DC | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | 19° 42' 40" | 105° 44' 53" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Thái | DC | xã Quảng Hòa | H. Quảng Xương | 19° 43' 24" | 105° 44' 38" | | | | | E-48-8-C-b |
| kênh B22 | TV | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 12" | 105° 44' 49" | 19° 38' 56" | 105° 46' 37" | E-48-8-C-b |
| thôn Đồng Cơ | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 29" | 105° 46' 08" | | | | | E-48-8-D-a |
| cầu Gia Hà | KX | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 06" | 105° 46' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Gia Hà | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 02" | 105° 46' 12" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hợp Bình | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 56" | 105° 45' 36" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hợp Danh | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 34" | 105° 45' 29" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hợp Én | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 42' 08" | 105° 45' 28" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hợp Giang | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 42' 04" | 105° 45' 40" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Hợp Hưng | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 08" | 105° 45' 51" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hợp Linh | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 13" | 105° 45' 38" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hợp Lực | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 52" | 105° 44' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Hợp Phương | DC | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 37" | 105° 45' 47" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| núi Văn Trinh | SV | xã Quảng Hợp | H. Quảng Xương | 19° 41' 01" | 105° 45' 22" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 43' 03" | 105° 51' 22" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 42' 51" | 105° 51' 14" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 42' 43" | 105° 51' 07" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 42' 57" | 105° 50' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 43' 08" | 105° 50' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 43' 10" | 105° 51' 07" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 43' 29" | 105° 50' 31" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 43' 26" | 105° 50' 20" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 43' 36" | 105° 49' 59" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 10 | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 43' 25" | 105° 49' 55" | | | | | E-48-8-D-a |
| đường tỉnh 511 | KX | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | | | 19° 45' 15" | 105° 50' 20" | 19° 38' 43" | 105° 47' 49" | E-48-8-D-a |
| làng Hùng Tiến | DC | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | 19° 42' 51" | 105° 50' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Hùng | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |
| quốc lộ 1A | KX | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 57" | 105° 47' 24" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 54" | 105° 47' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 32" | 105° 46' 23" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 23" | 105° 46' 25" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 13" | 105° 47' 20" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 20" | 105° 47' 34" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 56" | 105° 46' 53" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 36" | 105° 46' 48" | | | | | E-48-8-D-a |
| làng Đại Trung | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 13" | 105° 47' 20" | | | | | E-48-8-D-a |
| Làng Hà | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 39' 00" | 105° 47' 20" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 36' 31" | 105° 46' 34" | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| Làng Nga | DC | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 32" | 105° 46' 23" | | | | | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |
| cầu Sông Lý | KX | xã Quảng Khê | H. Quảng Xương | 19° 38' 09" | 105° 47' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| quốc lộ 1A | KX | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 38' 32" | 105° 48' 18" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 38' 44" | 105° 47' 53" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 39' 06" | 105° 48' 29" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 39' 09" | 105° 48' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 39' 14" | 105° 47' 02" | | | | | E-48-8-D-a |
| đường tỉnh 511 | KX | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | | | 19° 45' 15" | 105° 50' 20" | 19° 38' 43" | 105° 47' 49" | E-48-8-D-a |
| Núi Chẹt | SV | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 38' 25" | 105° 48' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| cầu Ngọc Phương | KX | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 39' 46" | 105° 47' 42" | | | | | E-48-8-D-a |
| Núi Nhọn | SV | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 38' 09" | 105° 48' 11" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |
| Núi Tó | SV | xã Quảng Lĩnh | H. Quảng Xương | 19° 38' 13" | 105° 48' 18" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | 19° 40' 11" | 105° 49' 19" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | 19° 40' 14" | 105° 49' 01" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | 19° 39' 50" | 105° 49' 26" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | 19° 39' 54" | 105° 49' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | 19° 39' 57" | 105° 49' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | 19° 39' 43" | 105° 49' 11" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | 19° 39' 22" | 105° 49' 12" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | 19° 39' 34" | 105° 48' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| đường tỉnh 511 | KX | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | | | 19° 45' 15" | 105° 50' 20" | 19° 38' 43" | 105° 47' 49" | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Lộc | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |
| đường tỉnh 511 | KX | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | | | 19° 45' 15" | 105° 50' 20" | 19° 38' 43" | 105° 47' 49" | E-48-8-D-a |
| thôn Hồng Phong | DC | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 38' 45" | 105° 49' 19" | | | | | E-48-8-D-a |
| Núi Lau | SV | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 37' 59" | 105° 48' 50" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Lọc Trại | DC | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 38' 28" | 105° 48' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |
| thôn Phúc Thành | DC | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 38' 36" | 105° 49' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thủ Lộc | DC | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 39' 05" | 105° 49' 02" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tiên Phong | DC | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 38' 36" | 105° 49' 30" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tiên Thắng | DC | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 38' 05" | 105° 49' 09" | | | | | E-48-8-D-a |
| khu công nghiệp Du lịch biển Tiên Trang | KX | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 38' 27" | 105° 49' 41" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Tiên Trang | DC | xã Quảng Lợi | H. Quảng Xương | 19° 38' 36" | 105° 48' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| kênh B22 | TV | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 12" | 105° 44' 49" | 19° 38' 56" | 105° 46' 37" | E-48-8-C-b |
| thôn Bái Đông | DC | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | 19° 41' 57" | 105° 43' 12" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 36' 31" | 105° 46' 34" | E-48-8-C-b |
| thôn Lộc Long | DC | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | 19° 42' 18" | 105° 43' 19" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Lộc Xá | DC | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | 19° 42' 39" | 105° 43' 52" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Long Đại | DC | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | 19° 42' 55" | 105° 43' 19" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Long Thành | DC | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | 19° 42' 16" | 105° 43' 37" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Long Thọ | DC | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | 19° 43' 09" | 105° 44' 06" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thổ Ngõa | DC | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | 19° 41' 43" | 105° 43' 08" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Xuân Bảng | DC | xã Quảng Long | H. Quảng Xương | 19° 41' 13" | 105° 43' 23" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 12" | 105° 50' 09" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 20" | 105° 49' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 05" | 105° 49' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 37" | 105° 49' 19" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 19" | 105° 49' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 54" | 105° 49' 08" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 00" | 105° 49' 26" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 02" | 105° 49' 38" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 52" | 105° 49' 37" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 10 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 49" | 105° 49' 48" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 11 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 46" | 105° 49' 37" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 12 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 40" | 105° 49' 23" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 13 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 32" | 105° 49' 34" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 14 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 22" | 105° 49' 30" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 15 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 23" | 105° 49' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 16 | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 34" | 105° 49' 01" | | | | | E-48-8-D-a |
| đường tỉnh 511 | KX | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | | | 19° 45' 15" | 105° 50' 20" | 19° 38' 43" | 105° 47' 49" | E-48-8-D-a |
| xóm Đông Tiến | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 19" | 105° 49' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| xóm Hiền Bắc | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 54" | 105° 49' 08" | | | | | E-48-8-D-a |
| xóm Hiền Lưu | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 00" | 105° 49' 26" | | | | | E-48-8-D-a |
| xóm Hiền Nam | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 40" | 105° 49' 23" | | | | | E-48-8-D-a |
| xóm Hiền Thắng | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 40' 46" | 105° 49' 37" | | | | | E-48-8-D-a |
| xóm Mậu Tây | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 37" | 105° 49' 19" | | | | | E-48-8-D-a |
| xóm Mậu Trung | DC | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | 19° 41' 05" | 105° 49' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Lưu | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | 19° 43' 27" | 105° 51' 03" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | 19° 43' 45" | 105° 50' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | 19° 43' 36" | 105° 50' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | 19° 43' 57" | 105° 50' 35" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | 19° 43' 44" | 105° 50' 20" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | 19° 44' 03" | 105° 50' 13" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | 19° 43' 48" | 105° 50' 05" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | 19° 43' 53" | 105° 49' 19" | | | | | E-48-8-D-a |
| đường tỉnh 511 | KX | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | | | 19° 45' 15" | 105° 50' 20" | 19° 38' 43" | 105° 47' 49" | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Minh | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| kênh B22 | TV | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 12" | 105° 44' 49" | 19° 38' 56" | 105° 46' 37" | E-48-8-D-a, E-48-8-C-b |
| làng Bất Động | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 39' 45" | 105° 45' 58" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Bất Động 1 | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 39' 50" | 105° 46' 06" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Bất Động 2 | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 39' 50" | 105° 45' 49" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Bất Động 3 | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 39' 35" | 105° 45' 35" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Gia Đại | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 07" | 105° 45' 58" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Gia Hằng | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 35" | 105° 45' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 36' 31" | 105° 46' 34" | E-48-8-C-b |
| thôn Kỳ Anh | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 30" | 105° 45' 29" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Kỳ Lan | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 30" | 105° 45' 01" | | | | | E-48-8-D-a |
| làng Kỳ Vĩ | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 43" | 105° 45' 11" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| thôn Ngọc Trinh | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 49" | 105° 45' 40" | | | | | E-48-8-D-a |
| làng Tam Uy | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 15" | 105° 45' 29" | | | | | E-48-8-D-a |
| làng Thắng Phú | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 10" | 105° 44' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Uy Bắc | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 27" | 105° 45' 36" | | | | | E-48-8-D-a |
| núi Văn Trinh | SV | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 41' 01" | 105° 45' 22" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Xuân Mộc | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 39' 56" | 105° 45' 29" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Xuân Thắng | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 39' 42" | 105° 44' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Lãng | DC | xã Quảng Ngọc | H. Quảng Xương | 19° 40' 42" | 105° 46' 17" | | | | | E-48-8-D-a |
| Thôn Bắc | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 37' 18" | 105° 49' 12" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Bình | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 37' 09" | 105° 49' 09" | | | | | E-48-8-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Thôn Điền | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 37' 09" | 105° 49' 01" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Đông | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 36' 49" | 105° 49' 05" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Đức | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 36' 37" | 105° 49' 08" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Hải | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 36' 55" | 105° 49' 08" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Hòa | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 37' 01" | 105° 49' 08" | | | | | E-48-8-D-c |
| cửa Lạch Ghép | TV | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Tân | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 35' 51" | 105° 49' 04" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Thắng | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 36' 42" | 105° 49' 12" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Thanh | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 36' 59" | 105° 49' 01" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Thuận | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 36' 41" | 105° 49' 01" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Tiến | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 36' 22" | 105° 49' 08" | | | | | E-48-8-D-c |
| Thôn Trung | DC | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | 19° 37' 14" | 105° 49' 09" | | | | | E-48-8-D-c |
| Sông Yên | TV | xã Quảng Nham | H. Quảng Xương | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-D-c |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Nhân | H. Quảng Xương | 19° 42' 02" | 105° 49' 23" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Nhân | H. Quảng Xương | 19° 42' 32" | 105° 49' 08" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Nhân | H. Quảng Xương | 19° 42' 16" | 105° 48' 40" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Nhân | H. Quảng Xương | 19° 41' 43" | 105° 48' 12" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Nhân | H. Quảng Xương | 19° 41' 46" | 105° 48' 12" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Nhân | H. Quảng Xương | 19° 41' 37" | 105° 48' 46" | | | | | E-48-8-D-a |
| đường tỉnh 511 | KX | xã Quảng Nhân | H. Quảng Xương | | | 19° 45' 15" | 105° 50' 20" | 19° 38' 43" | 105° 47' 49" | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Nhân | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-D-a |
| quốc lộ 1A | KX | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-a |
| thôn Cống Trúc | DC | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 41' 40" | 105° 47' 02" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| cầu Dần Cau | KX | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 41' 52" | 105° 47' 02" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| thôn Ninh Dụ | DC | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 41' 57" | 105° 46' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Ninh Phạm | DC | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 41' 50" | 105° 47' 24" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Ninh Phúc | DC | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 42' 11" | 105° 47' 17" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Ninh Thái | DC | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 42' 26" | 105° 46' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Ninh Thọ | DC | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 41' 56" | 105° 46' 08" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Ninh Ước | DC | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 42' 39" | 105° 47' 28" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Phúc Thành | DC | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 42' 38" | 105° 47' 13" | | | | | E-48-8-D-a |
| Cầu Trúc | KX | xã Quảng Ninh | H. Quảng Xương | 19° 41' 33" | 105° 47' 06" | | | | | E-48-8-D-a |
| quốc lộ 1A | KX | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-a |
| thôn Bái Thịnh | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 42' 50" | 105° 46' 26" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Bái Vàng | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 11" | 105° 46' 09" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Chính Trung | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 26" | 105° 47' 01" | | | | | E-48-8-D-a |
| Cống Dễ | KX | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 42' 58" | 105° 46' 55" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đông Đa | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 43" | 105° 47' 15" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đồng Võng | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 15" | 105° 45' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Làng Mới | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 42' 45" | 105° 45' 32" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a |
| Công ty cổ phần Phước An ISUZU | KX | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 27" | 105° 46' 52" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thanh Trung | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 17" | 105° 45' 29" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tri Hòa | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 39" | 105° 46' 42" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Trung Phong | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 08" | 105° 46' 52" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Ước Ngoại | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 42' 51" | 105° 47' 20" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Xóm Khang | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 42' 46" | 105° 46' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Xóm Lượng | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 42' 31" | 105° 45' 47" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Xuân Uyên | DC | xã Quảng Phong | H. Quảng Xương | 19° 43' 24" | 105° 47' 13" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Phúc | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 36' 31" | 105° 46' 34" | E-48-8-C-b |
| thôn Ngọc Đới 1 | DC | xã Quảng Phúc | H. Quảng Xương | 19° 39' 30" | 105° 43' 55" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Ngọc Đới 2 | DC | xã Quảng Phúc | H. Quảng Xương | 19° 39' 33" | 105° 43' 16" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Ngọc Đới 3 | DC | xã Quảng Phúc | H. Quảng Xương | 19° 39' 25" | 105° 43' 12" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Ngọc Đới 4 | DC | xã Quảng Phúc | H. Quảng Xương | 19° 39' 22" | 105° 43' 16" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Thanh Minh | DC | xã Quảng Phúc | H. Quảng Xương | 19° 38' 39" | 105° 43' 30" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Văn Bình | DC | xã Quảng Phúc | H. Quảng Xương | 19° 38' 34" | 105° 43' 52" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Yên | TV | xã Quảng Phúc | H. Quảng Xương | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-C-b |
| quốc lộ 1A | KX | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-a, E-48-8-B-c |
| thôn Dục Tú | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 44' 24" | 105° 46' 37" | | | | | E-48-8-D-a |
| sông Nông Giang | TV | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | | | 19° 53' 46" | 105° 22' 38" | 19° 50' 04" | 105° 42' 15" | E-48-8-B-c |
| thôn Tân Cổ | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 45' 06" | 105° 46' 52" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Tân Đa | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 44' 11" | 105° 46' 34" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Đắc | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 44' 16" | 105° 46' 34" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Đoài | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 44' 18" | 105° 46' 59" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Hậu | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 44' 55" | 105° 47' 06" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Hoa | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 44' 42" | 105° 47' 24" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Tân Hưng | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 44' 26" | 105° 46' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Thượng | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 43' 55" | 105° 46' 37" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Tiền | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 44' 31" | 105° 46' 59" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Tân Trúc | DC | xã Quảng Tân | H. Quảng Xương | 19° 45' 04" | 105° 47' 24" | | | | | E-48-8-B-c |
| Núi Đỏ | SV | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 53" | 105° 48' 11" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a, E-48-8-D-c |
| Núi Nhát | SV | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 38' 09" | 105° 48' 11" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Sơn Lâm | DC | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 49" | 105° 48' 40" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thạch Bắc | DC | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 39" | 105° 49' 19" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thạch Đông | DC | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 18" | 105° 48' 50" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Thạch Hải | DC | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 30" | 105° 49' 01" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Thạch Nam | DC | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 22" | 105° 49' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thạch Ngọc | DC | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 53" | 105° 48' 07" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thạch Tiến | DC | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 28" | 105° 49' 08" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Thạch Trung | DC | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 37' 45" | 105° 48' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| Núi Tó | SV | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | 19° 38' 13" | 105° 48' 18" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Yên | TV | xã Quảng Thạch | H. Quảng Xương | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-D-c |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 40' 47" | 105° 50' 06" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 40' 42" | 105° 50' 13" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 40' 30" | 105° 50' 13" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 40' 14" | 105° 50' 02" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 40' 21" | 105° 49' 59" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 40' 05" | 105° 49' 52" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 39' 53" | 105° 49' 55" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 39' 38" | 105° 49' 48" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 39' 18" | 105° 49' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 10 | DC | xã Quảng Thái | H. Quảng Xương | 19° 39' 04" | 105° 49' 41" | | | | | E-48-8-D-a |
| quốc lộ 47 | KX | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 00" | 105° 53' 56" | 19° 53' 36" | 105° 24' 14" | E-48-8-D-a |
| Sông Mã | TV | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | | | 20° 32' 02" | 104° 29' 13" | 19° 47' 08" | 105° 55' 37" | E-48-8-B-c |
| thôn Thọ Đài | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 45' 08" | 105° 51' 47" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Thọ Đồn | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 44' 51" | 105° 51' 25" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thọ Khang | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 45' 13" | 105° 51' 14" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Thọ Kinh | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 44' 41" | 105° 51' 14" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thọ Mới | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 44' 57" | 105° 51' 50" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thọ Phú | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 44' 31" | 105° 51' 50" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thọ Phúc | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 45' 33" | 105° 51' 29" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Thọ Thái | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 45' 20" | 105° 51' 22" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Thọ Thông | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 44' 49" | 105° 50' 56" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thọ Trại | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 44' 45" | 105° 51' 36" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thọ Trúc | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 45' 09" | 105° 51' 36" | | | | | E-48-8-B-c |
| thôn Thọ Trung | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 44' 52" | 105° 51' 17" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thọ Văn | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 44' 36" | 105° 51' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thọ Vinh | DC | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | 19° 45' 18" | 105° 51' 43" | | | | | E-48-8-B-c |
| sông Thống Nhất | TV | xã Quảng Thọ | H. Quảng Xương | | | 19° 47' 53" | 105° 47' 13" | 19° 46' 18" | 105° 53' 02" | E-48-8-B-c |
| quốc lộ 45 | KX | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b, E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Hồng 1 | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 46" | 105° 45' 58" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Hồng 2 | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 50" | 105° 46' 05" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a, E-48-8-C-b |
| sông Nhà Lê | TV | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | | | 19° 47' 32" | 105° 45' 11" | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | E-48-8-B-c, E-48-8-C-b, E-48-8-D-a |
| thôn Phúc 1 | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 43' 56" | 105° 45' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Phúc 2 | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 43' 45" | 105° 45' 07" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Trạch 1 | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 37" | 105° 45' 00" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Trạch 2 | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 42" | 105° 44' 53" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Trạch 3 | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 34" | 105° 44' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Trạch 4 | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 24" | 105° 44' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Trạch Câu | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 20" | 105° 45' 47" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Trạch Đồng | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 31" | 105° 45' 54" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Trạch Khang | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 02" | 105° 45' 25" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Trạch Khê | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 09" | 105° 45' 22" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Trạch Nhân | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 44' 43" | 105° 45' 11" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Trạch Trung | DC | xã Quảng Trạch | H. Quảng Xương | 19° 43' 40" | 105° 45' 58" | | | | | E-48-8-D-a |
| quốc lộ 1A | KX | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | | | 20° 08' 01" | 105° 51' 32" | 19° 18' 42" | 105° 43' 16" | E-48-8-D-c |
| Cầu Ghép | KX | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 35' 47" | 105° 47' 24" | | | | | E-48-8-D-c |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 36' 31" | 105° 46' 34" | E-48-8-D-a, E-48-8-D-c |
| làng Lộc Tiến | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 43" | 105° 46' 52" | | | | | E-48-8-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Lộc Tiến 1 | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 42" | 105° 47' 03" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Lộc Tiến 2 | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 45" | 105° 46' 44" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Ngọc Trà 1 | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 17" | 105° 47' 02" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Ngọc Trà 2 | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 25" | 105° 46' 45" | | | | | E-48-8-D-c |
| làng Thạch Tiến | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 46" | 105° 47' 24" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Thạch Tiến 1 | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 44" | 105° 47' 25" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Thạch Tiến 2 | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 52" | 105° 47' 14" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Trung Dũng | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 26" | 105° 46' 15" | | | | | E-48-8-D-c |
| thôn Trung Nhân | DC | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 19" | 105° 46' 54" | | | | | E-48-8-D-c |
| Đò Tuần | KX | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | 19° 36' 23" | 105° 45' 43" | | | | | E-48-8-D-c |
| Sông Yên | TV | xã Quảng Trung | H. Quảng Xương | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-D-c |
| kênh B22 | TV | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 12" | 105° 44' 49" | 19° 38' 56" | 105° 46' 37" | E-48-8-D-a |
| thôn Châu Thanh | DC | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 39' 03" | 105° 45' 58" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đồng Tiến | DC | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 39' 45" | 105° 46' 30" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Lộc Trường | DC | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 39' 26" | 105° 46' 41" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | | | 19° 39' 12" | 105° 46' 52" | 19° 38' 16" | 105° 45' 58" | E-48-8-D-a |
| thôn Phú Cường | DC | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 39' 12" | 105° 45' 32" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Phúc Lộc | DC | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 40' 01" | 105° 46' 16" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Phúc Lợi | DC | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 39' 58" | 105° 46' 55" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thịnh Bình | DC | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 39' 03" | 105° 46' 23" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Trung Đông | DC | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 39' 10" | 105° 46' 12" | | | | | E-48-8-D-a |
| Núi Trường | SV | xã Quảng Trường | H. Quảng Xương | 19° 38' 36" | 105° 45' 43" | | | | | E-48-8-D-a |
| kênh B22 | TV | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 12" | 105° 44' 49" | 19° 38' 56" | 105° 46' 37" | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 39' 45" | 105° 44' 04" | E-48-8-C-b |
| thôn Quang Minh | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 41' 33" | 105° 44' 13" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Sơn Đình | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 41' 12" | 105° 44' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Trang Thành | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 40' 54" | 105° 44' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Văn Đồng | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 40' 30" | 105° 44' 10" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Văn Giang | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 41' 45" | 105° 44' 20" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Văn Kim | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 40' 51" | 105° 43' 41" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Văn Lâm | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 40' 34" | 105° 43' 34" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Văn Môn | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 41' 34" | 105° 44' 24" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Văn Phong | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 42' 04" | 105° 44' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| núi Văn Trinh | SV | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 41' 01" | 105° 45' 22" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Văn Trung | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 41' 39" | 105° 43' 55" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Hưng | DC | xã Quảng Văn | H. Quảng Xương | 19° 41' 18" | 105° 44' 28" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Đơ | TV | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | | | 19° 46' 20" | 105° 53' 20" | 19° 43' 37" | 105° 52' 37" | E-48-8-D-b |
| thôn Đông Bắc 1 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 40" | 105° 52' 05" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đông Bắc 2 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 34" | 105° 52' 01" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đông Bắc 3 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 30" | 105° 51' 50" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đông Bắc 4 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 21" | 105° 51' 47" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Đông Bắc 5 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 11" | 105° 51' 36" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thanh Minh 1 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 44' 05" | 105° 52' 23" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thanh Minh 2 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 51" | 105° 52' 26" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thanh Minh 3 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 49" | 105° 52' 19" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thanh Minh 4 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 45" | 105° 52' 19" | | | | | E-48-8-D-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Thanh Minh 5 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 42" | 105° 52' 12" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thống Nhất 1 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 43' 44" | 105° 51' 29" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thống Nhất 2 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 44' 01" | 105° 51' 40" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thống Nhất 3 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 44' 14" | 105° 51' 47" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thống Nhất 4 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 44' 19" | 105° 51' 29" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn Thống Nhất 5 | DC | xã Quảng Vinh | H. Quảng Xương | 19° 44' 06" | 105° 51' 18" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 1 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 39' 34" | 105° 44' 29" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 2 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 39' 29" | 105° 44' 28" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 3 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 39' 11" | 105° 44' 56" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 4 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 39' 09" | 105° 44' 19" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 5 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 39' 24" | 105° 44' 00" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 6 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 39' 13" | 105° 43' 49" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 7 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 38' 39" | 105° 44' 54" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn 8 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 38' 32" | 105° 45' 08" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 9 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 38' 25" | 105° 45' 26" | | | | | E-48-8-D-a |
| thôn 10 | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 38' 19" | 105° 45' 44" | | | | | E-48-8-D-a |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 36' 31" | 105° 46' 34" | E-48-8-D-a |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | | | 19° 39' 12" | 105° 46' 52" | 19° 38' 16" | 105° 45' 58" | E-48-8-D-a |
| làng Ngọc Nhị | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 39' 16" | 105° 43' 52" | | | | | E-48-8-C-b |
| làng Phúc Tâm | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 39' 29" | 105° 44' 31" | | | | | E-48-8-C-b |
| Núi Trường | SV | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 38' 36" | 105° 45' 43" | | | | | E-48-8-D-a |
| làng Văn Sơn | DC | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | 19° 38' 35" | 105° 44' 56" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Yên | TV | xã Quảng Vọng | H. Quảng Xương | | | 19° 39' 44" | 105° 42' 50" | 19° 34' 32" | 105° 48' 36" | E-48-8-C-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| quốc lộ 45 | KX | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | | | 20° 10' 25" | 105° 46' 47" | 19° 48' 05" | 105° 26' 03" | E-48-8-C-b |
| kênh B22 | TV | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 12" | 105° 44' 49" | 19° 38' 56" | 105° 46' 37" | E-48-8-C-b |
| thôn Chín Cảnh | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 55" | 105° 44' 02" | | | | | E-48-8-C-b |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | | | 19° 43' 55" | 105° 42' 41" | 19° 39' 45" | 105° 44' 04" | E-48-8-C-b |
| Sông Lý | TV | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | | | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | 19° 37' 09" | 105° 48' 47" | E-48-8-D-a, E-48-8-C-b |
| Sông Hoàng | TV | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | | | 19° 54' 19" | 105° 30' 00" | 19° 44' 24" | 105° 44' 42" | E-48-8-C-b |
| thôn Vực 1 | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 33" | 105° 44' 31" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Vực 2 | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 45" | 105° 44' 31" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Bình | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 44' 01" | 105° 43' 23" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Cảnh | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 44' 20" | 105° 44' 38" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Cổ | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 07" | 105° 43' 01" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Đào | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 24" | 105° 43' 55" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Đoài | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 44' 12" | 105° 43' 34" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Đông | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 44' 14" | 105° 43' 52" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Duệ | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 21" | 105° 43' 19" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Khang | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 44' 00" | 105° 43' 12" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Ninh | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 58" | 105° 43' 05" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Phú | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 56" | 105° 42' 50" | | | | | E-48-8-C-b |
| thôn Yên Trung | DC | xã Quảng Yên | H. Quảng Xương | 19° 43' 35" | 105° 43' 48" | | | | | E-48-8-C-b |

(Xem tiếp Công báo số 427 + 428)

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng